

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Kim Thủy

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Kim Thủy
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Kim Thủy **Mã SV:** 1312401100

Lớp : QT1701K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần
Cảng Nam Hải

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Xuất phát từ những vấn đề trên và thông qua một thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết khóa luận :**“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải”**.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận bao gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo **Th.s Nguyễn Thị Mai Linh** và các cô, chú trong phòng kế toán của Công ty cổ phần Cảng Nam Hải. Mặc dù đã cố gắng rất nhiều nhưng do trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Do đó em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 . Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Bất kỳ doanh nghiệp nào khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần có một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng nhất định trong doanh nghiệp, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh vừa là kết quả của việc bán hàng hoặc thu hồi các khoản nợ của khách hàng. Thiếu tiền vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được diễn ra liên tục.

Quản lý và sử dụng tiền vốn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro cao hơn các loại tài sản khác vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép phản ánh, tính toán giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Khái niệm vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ bao gồm tiền mặt (TK111), tiền gửi Ngân hàng (TK112), tiền đang chuyển (TK113).

1.1.3. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục do sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả

hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.4. Nhiệm vụ của công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò dụng cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao..

1.2. Nội dung công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.2.1. Quy định hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

- + Kế toán phải mở sổ kế toán ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập tiền, ngoại tệ và tính ra số tồn tại quỹ và từng tài khoản ở Ngân hàng tại mọi thời điểm để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- + Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như tiền của doanh nghiệp.

- + Khi thu, chi phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

- + Kế toán phải theo dõi chi tiết tiền theo nguyên tệ. Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế;
- Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

+ Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế.

1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp.

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt thì tiền mặt của doanh nghiệp phải được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay. Trong trường hợp cần thiết thì phải làm thủ tục ủy quyền cho người làm thay và phải được sự đồng ý của Giám đốc.

Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm tra quỹ đảm bảo tiền mặt tồn quỹ phải phù hợp với số dư trên sổ quỹ. Hàng ngày sau khi thu, chi tiền thủ quỹ phải ghi vào sổ quỹ cuối ngày, phải lập báo cáo quỹ, nộp cho kế toán.

Hàng ngày, sau khi nhận được báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ gốc do thủ quỹ gửi đến, kế toán quỹ phải đối chiếu, kiểm tra số liệu đã ghi trên sổ quỹ. Sau khi kiểm tra xong sổ quỹ, kế toán định khoản và ghi vào sổ tổng hợp tài khoản quỹ tiền mặt.

1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền mặt trong doanh nghiệp.

+ Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

+ Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

+ Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

+ Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

+ Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

+ Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1112 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút ngoại tệ từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt thì áp dụng tỷ giá ghi sổ kế toán của TK 1122;

- Bên Có TK 1112 áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

+ Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.2.2. Chứng từ hạch toán tiền mặt trong doanh nghiệp.

Các chứng từ được sử dụng trong công tác hạch toán tiền mặt tại quỹ bao gồm: Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, biên lai thu tiền, biên lai thu tiền...

- Phiếu thu (Mẫu số: 01 - TT).
- Phiếu chi (Mẫu số: 02 – TT).
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số: 05 - TT).
- Biên lai thu tiền (Mẫu số: 06 - TT).

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

+ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 “Tiền mặt”:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam);
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt quỹ phát hiện khi kiểm kê;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam);

- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo.

+ TK 111 “Tiền mặt”: Phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp. TK 111 bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

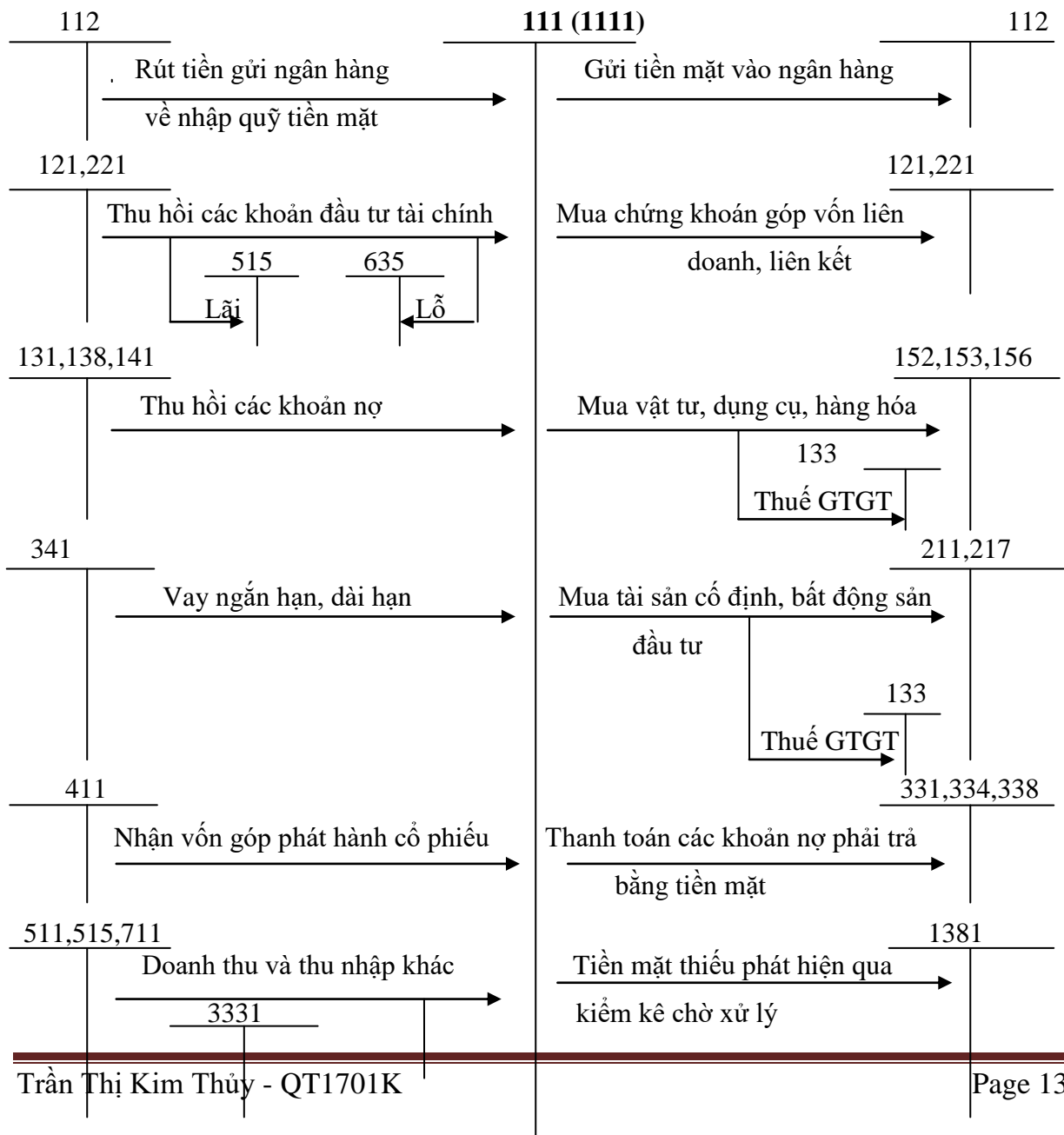
- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam.

- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ.

- Tài khoản 1113 - Vàng tiền tệ.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán tiền mặt trong doanh nghiệp.

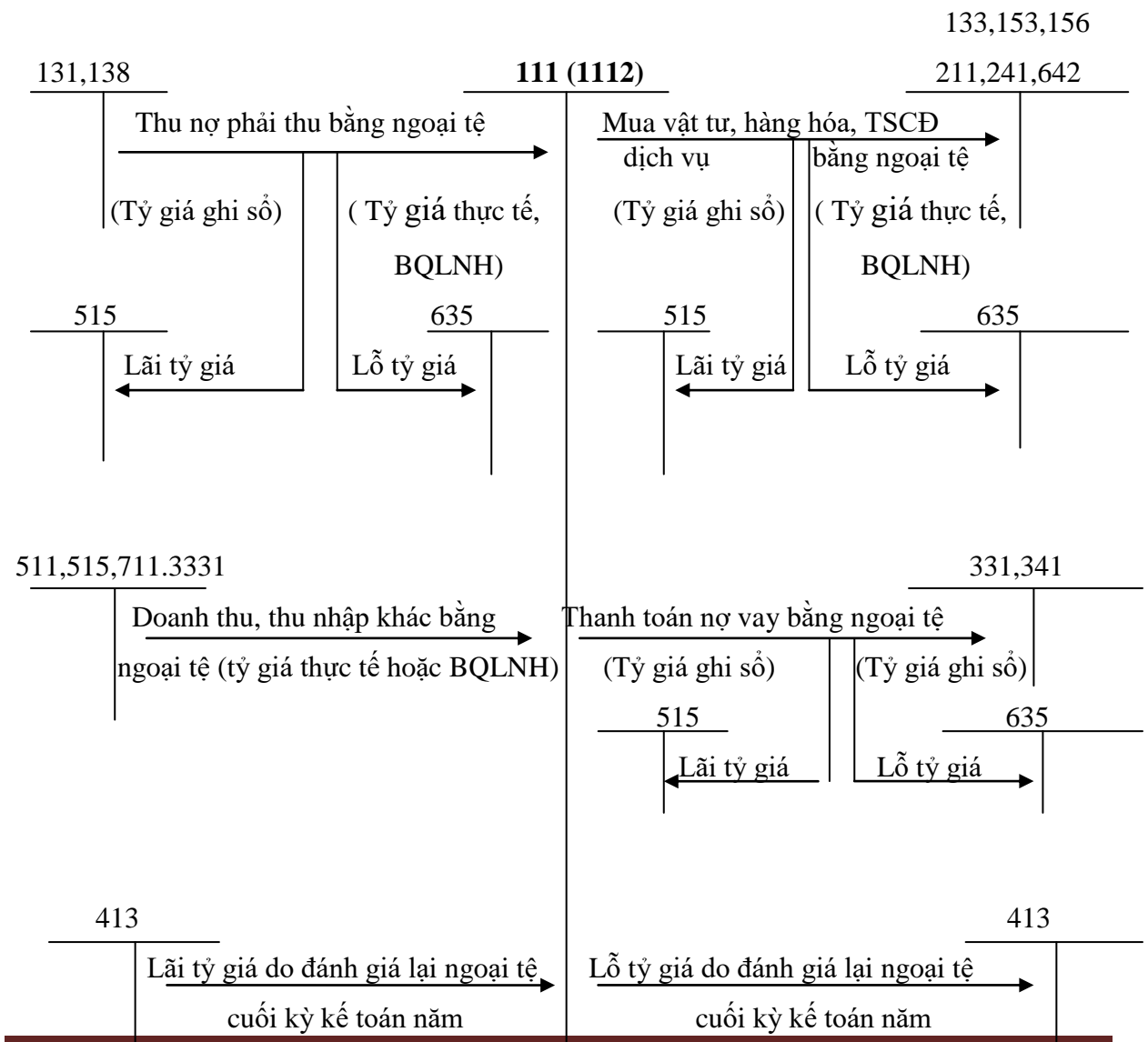
❖ Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam.

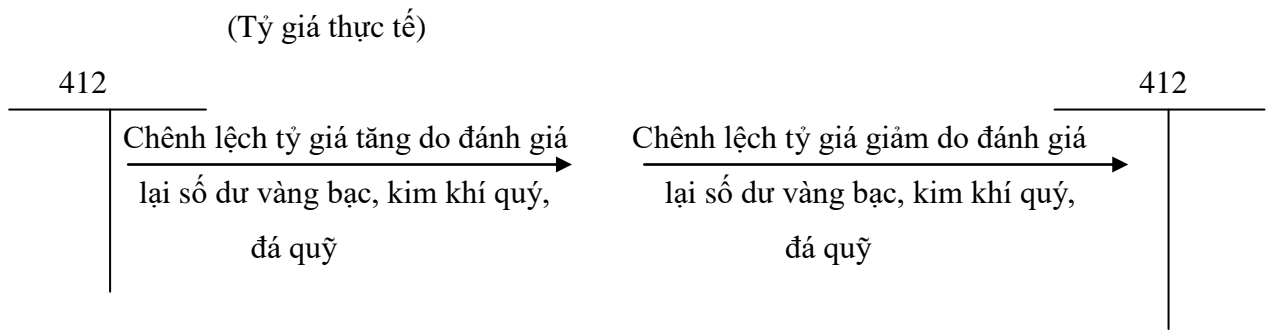


← Thuế GTGT
(nếu có)

Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền mặt (Tiền Việt Nam).

❖ Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt bằng ngoại tệ.





Sơ đồ 1.3. Kế toán tổng hợp thu - chi tiền mặt (Vàng tiền tệ).

1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng.

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp. Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo

Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...).

+ Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

+ Ở những doanh nghiệp có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

+ Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

+ Khoản thấu chi ngân hàng không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi ngân hàng mà được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

+ Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ TK 1122 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản 1122.

- Bên Có TK 1122 áp dụng tỷ giá ghi sổ Bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

+ Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong số các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

- Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.3.2. Chứng từ hạch toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.

- Giấy báo Nợ.
- Giấy báo Có.
- Bảng sao kê của ngân hàng.
- Ủy nhiệm chi.
- Ủy nhiệm thu.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.

+ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng”:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo

Số dư bên Nợ:

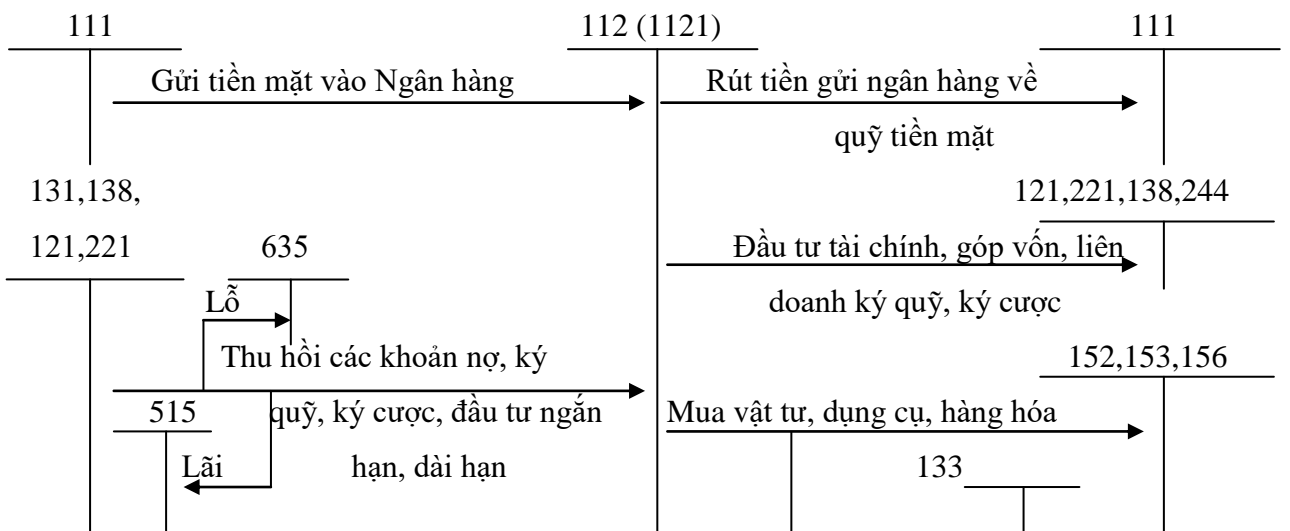
Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

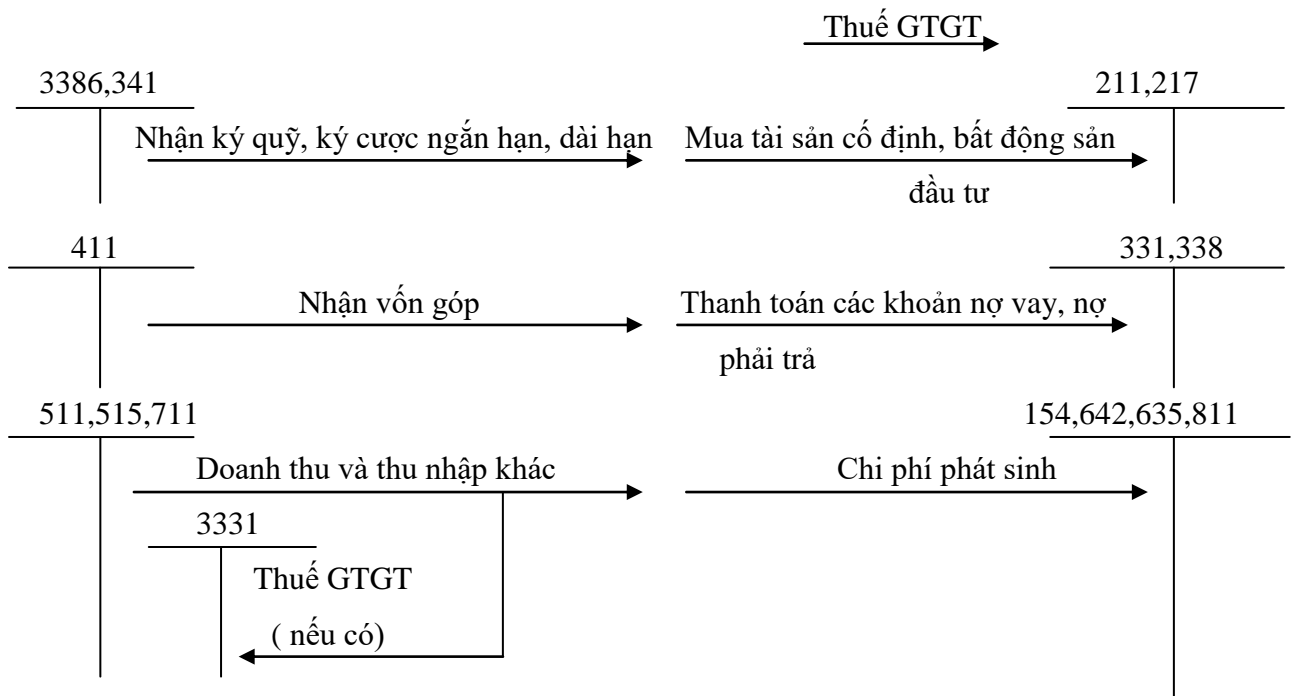
+ TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”: Phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp. TK 112 bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam.*
- *Tài khoản 1122 - Ngoại tệ.*
- *Tài khoản 1123 - Vàng tiền tệ.*

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.

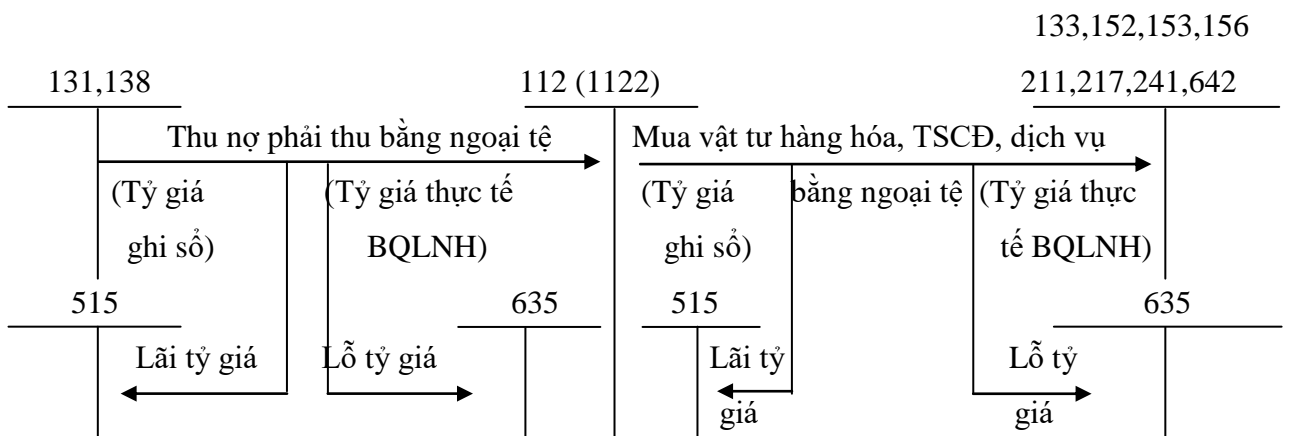
❖ **Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.**

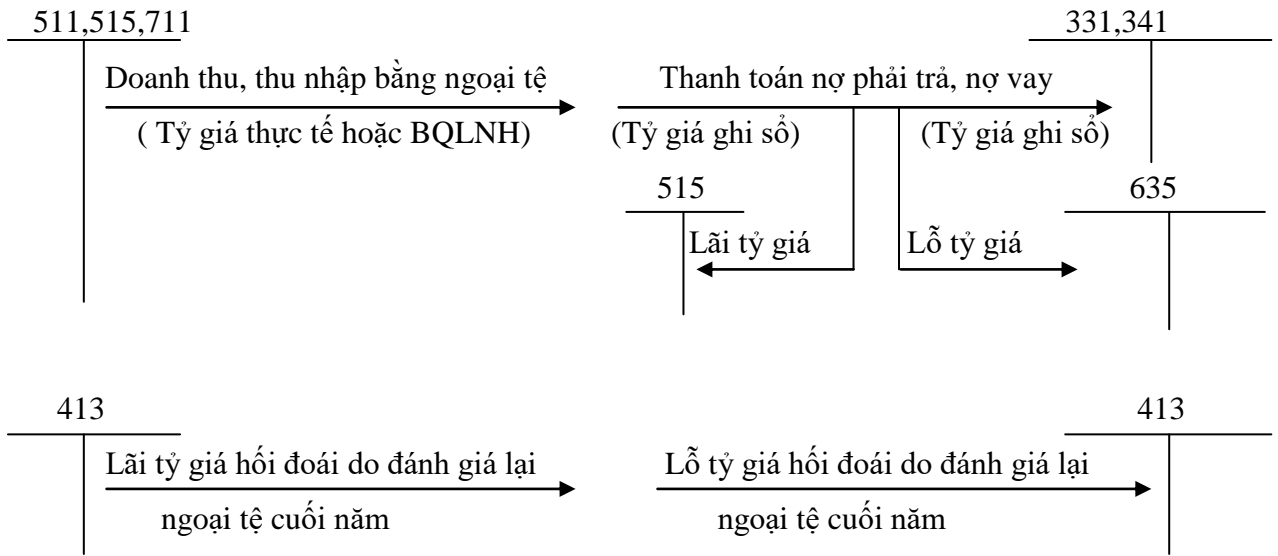




Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền gửi ngân hàng (tiền Việt Nam).

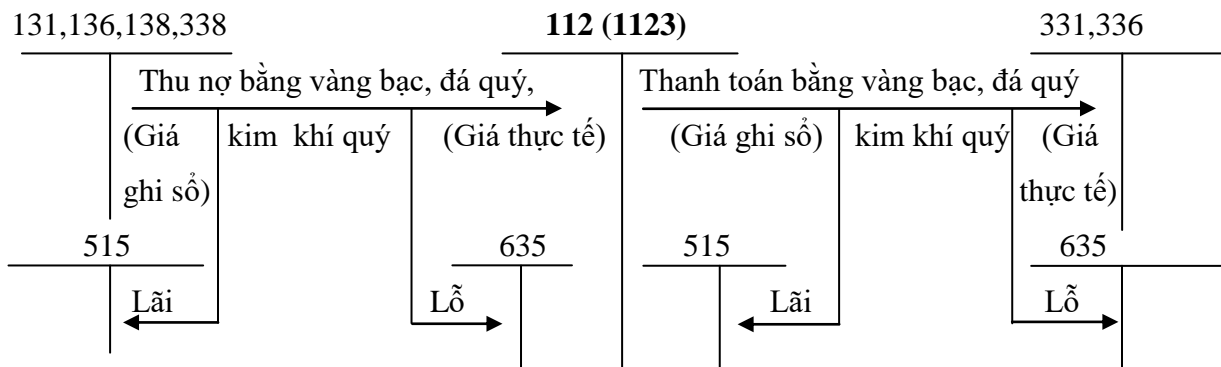
❖ Kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ.





Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ).

❖ Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng vàng tiền tệ.



<p style="text-align: right; margin-bottom: 0;">244</p> <p style="margin: 0;">Thu hồi các khoản ký cược, ký quỹ vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Tỷ giá thực tế)</p>	→	<p style="text-align: left; margin-bottom: 0;">244</p> <p style="margin: 0;">Chi các khoản ký cược, ký quỹ vàng bạc, kim khí quý đá quý (Tỷ giá ghi sổ)</p>
<p style="margin-top: 10px;">511, 515,711,3331</p> <p style="margin: 0;">Doanh thu và thu nhập khác bằng vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Giá thực tế thị trường)</p>	→	
<p style="margin-top: 10px;">411,441</p> <p style="margin: 0;">Nhận vốn góp, vốn cấp bằng vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Tỷ giá thực tế)</p>	→	
<p style="text-align: right; margin-bottom: 0;">412</p> <p style="margin: 0;">Chênh lệch tỷ giá tăng do đánh giá lại số dư vàng bạc, kim khí quý, đá quý</p>	→	<p style="text-align: left; margin-bottom: 0;">412</p> <p style="margin: 0;">Chênh lệch tỷ giá giảm do đánh giá lại số dư vàng bạc, kim khí quý, đá quý</p>

Sơ đồ 1.6. Kế toán tổng hợp thu - chi tiền gửi ngân hàng (Vàng tiền tệ).

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển.

1.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán tiền đang chuyển.

Tài khoản tiền đang chuyển (TK113) dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho doanh nghiệp khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho doanh nghiệp khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho doanh nghiệp khác;
- Thu tiền bán hàng chuyển thẳng vào Kho bạc để nộp thuế (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

1.2.4.2. Chứng từ hạch toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp.

- + Giấy nộp tiền.
- + Biên lai thu tiền.
- + Phiếu chuyển tiền.
- + Một số chứng từ khác liên quan.

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.

- TK 113 “Tiền đang chuyển”: Bao gồm 2 loại tài khoản cấp 2:
 - + TK 1131- “ Tiền Việt Nam”: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
 - + TK 1132 - “Ngoại tệ”: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 “**Tiền đang chuyển**”:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

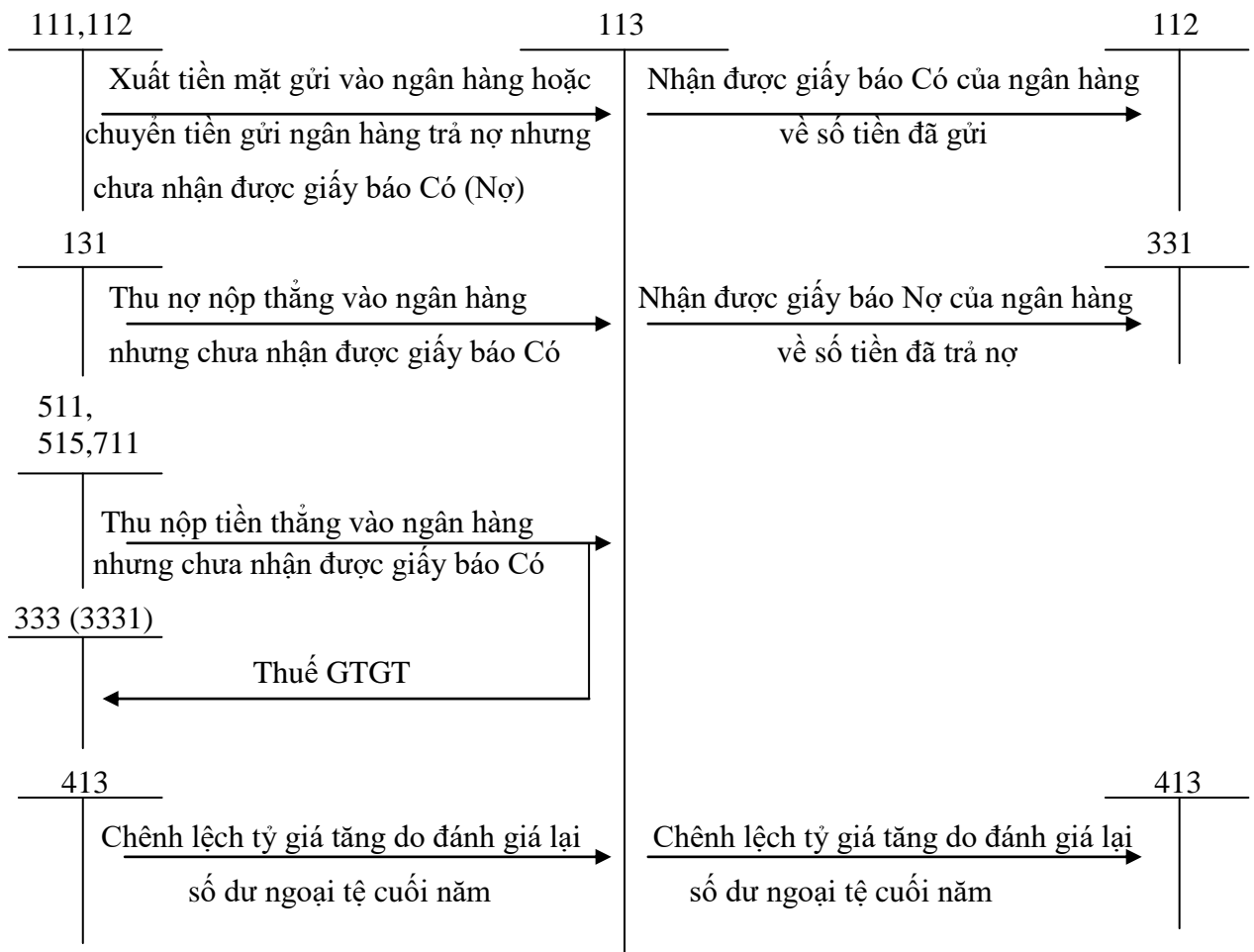
- Số tiền kết chuyển vào tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp.



Sơ đồ 1.7. Kế toán tổng hợp thu – chi tiền đang chuyển.

1.3. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo TT 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính. Theo quy định doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;

- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.1 . Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung

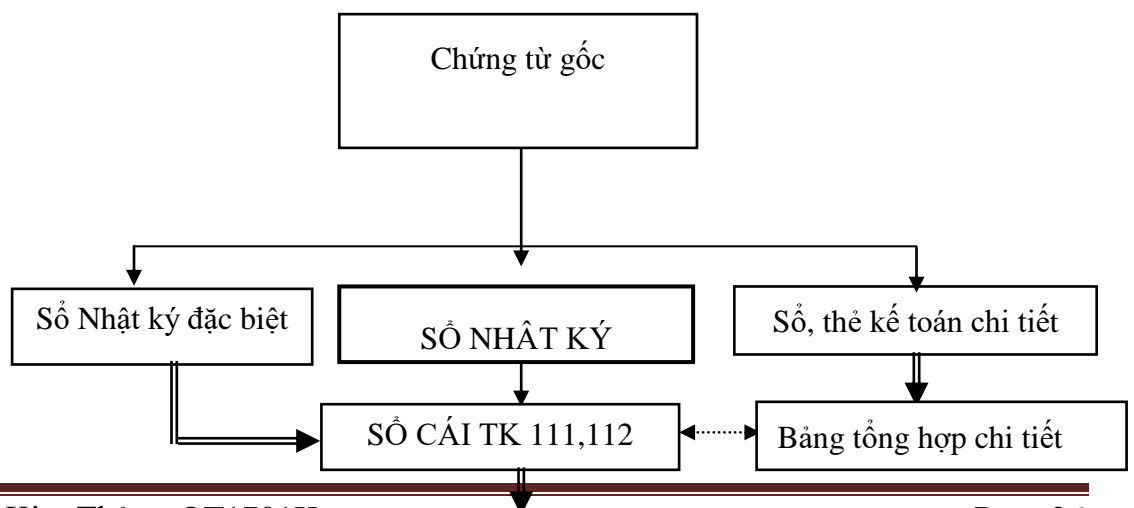
Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ, loại hình hoạt động đơn giản, trình độ cán bộ kế toán và cán bộ quản lý ở mức độ khá. Dễ vận dụng tin học trong công tác kế toán.

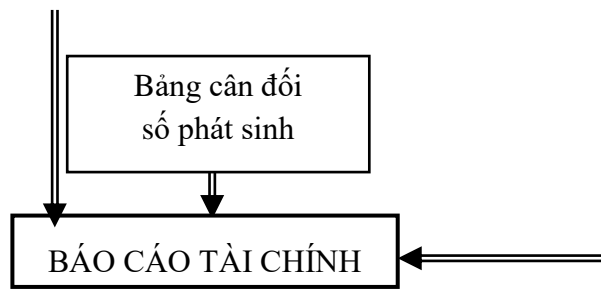
Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật kí chung, sau đó số liệu từ Nhật kí chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật kí chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.





Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung

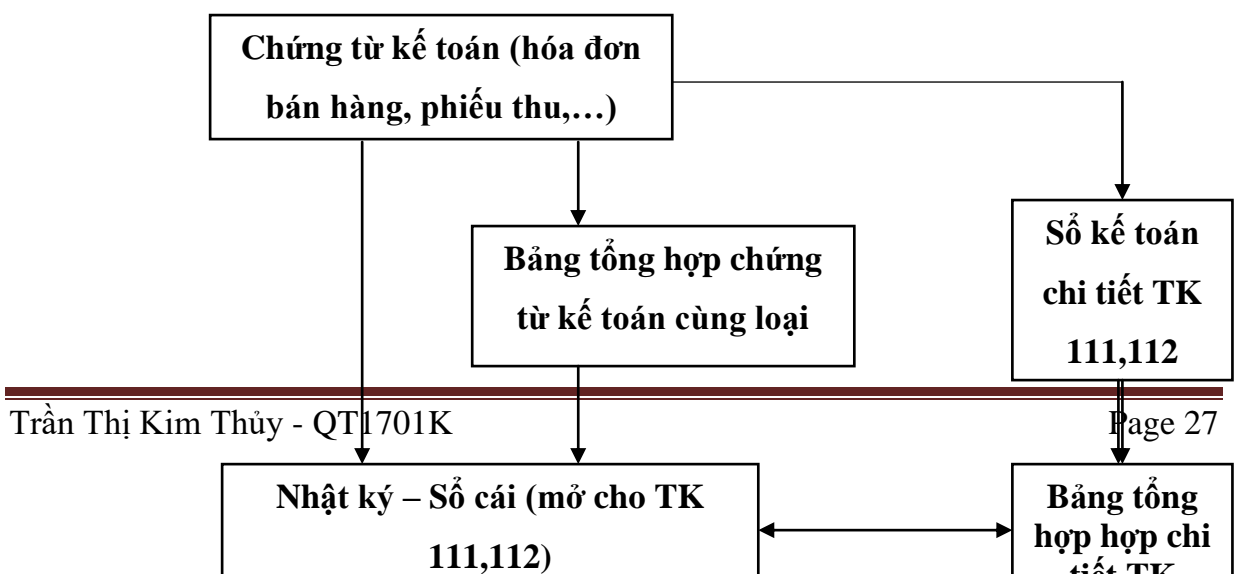
1.3.2. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hình thức Nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, trình độ cán bộ quản lý và cán bộ kế toán không cao.

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.3.3. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

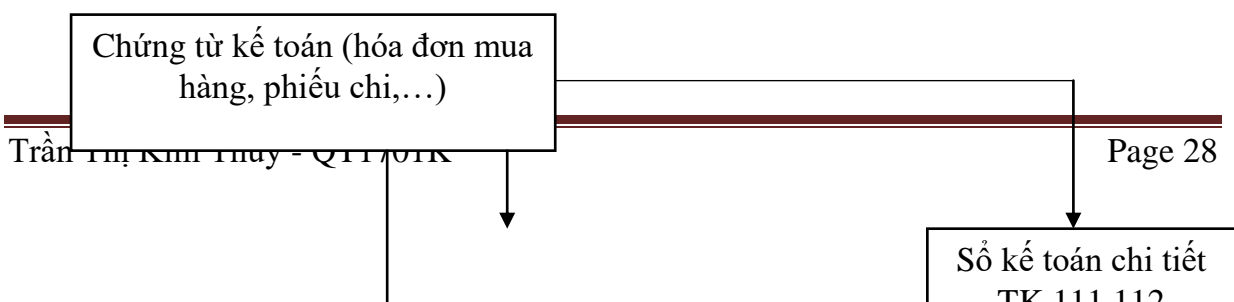
Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

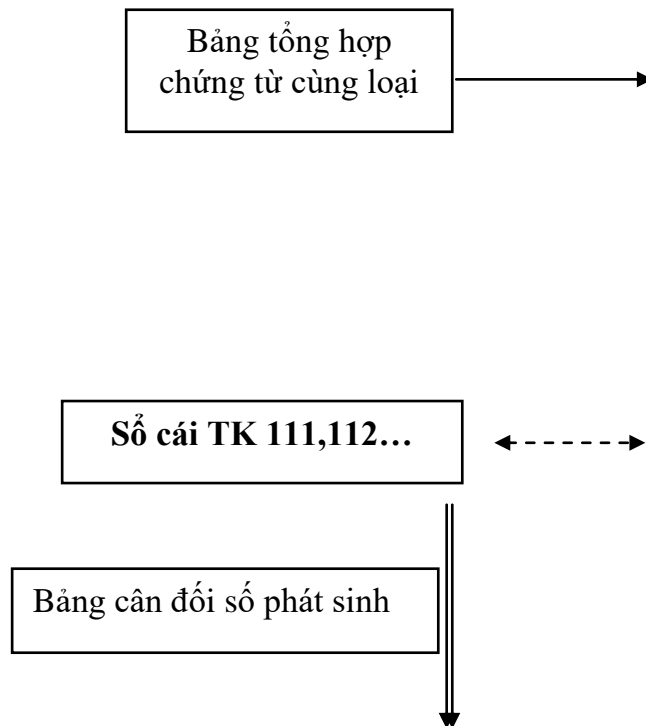
Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.





Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán Nhật ký –

Chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ (NKCT):

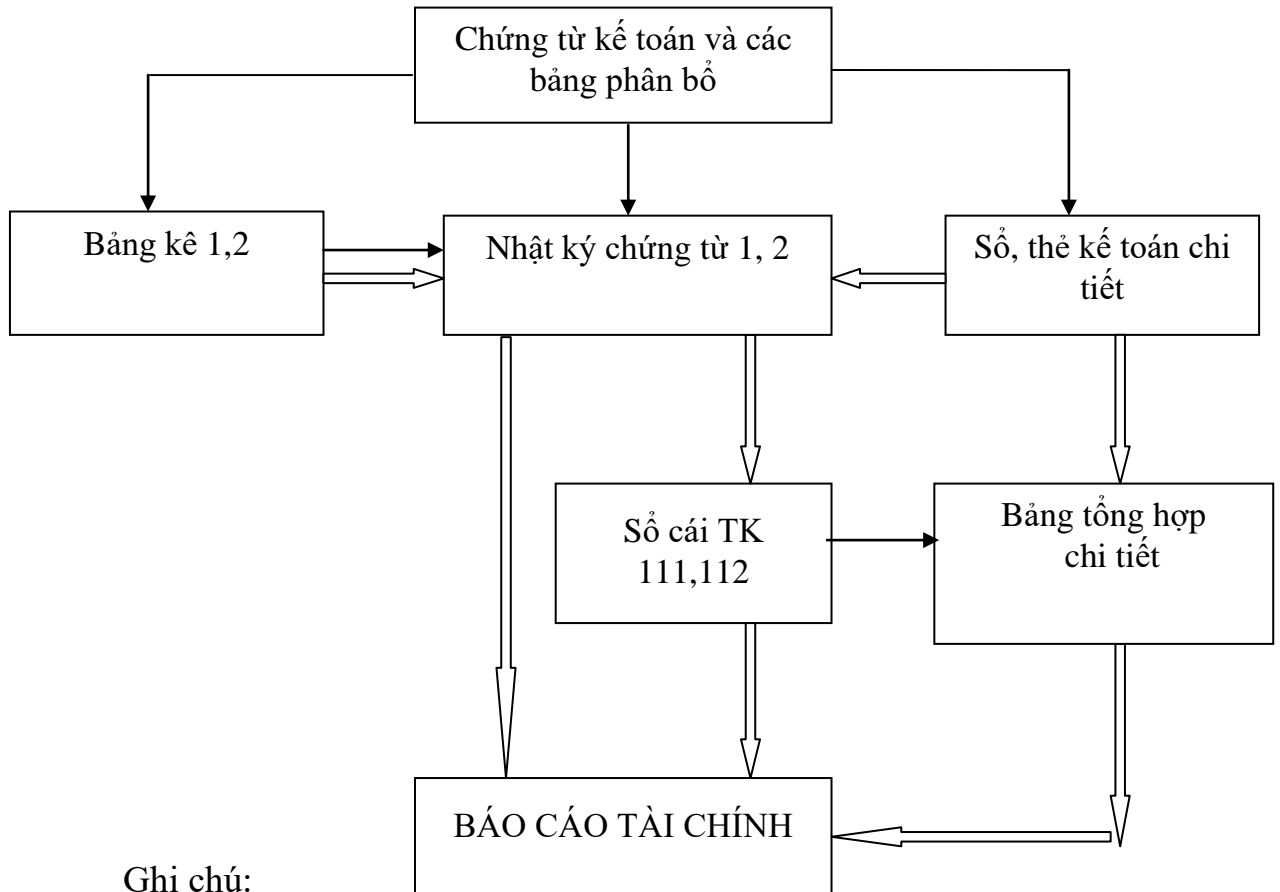
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối tượng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau: Nhật ký chứng từ; Bảng kê; Sổ cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ

1.3.5. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán trên máy vi tính

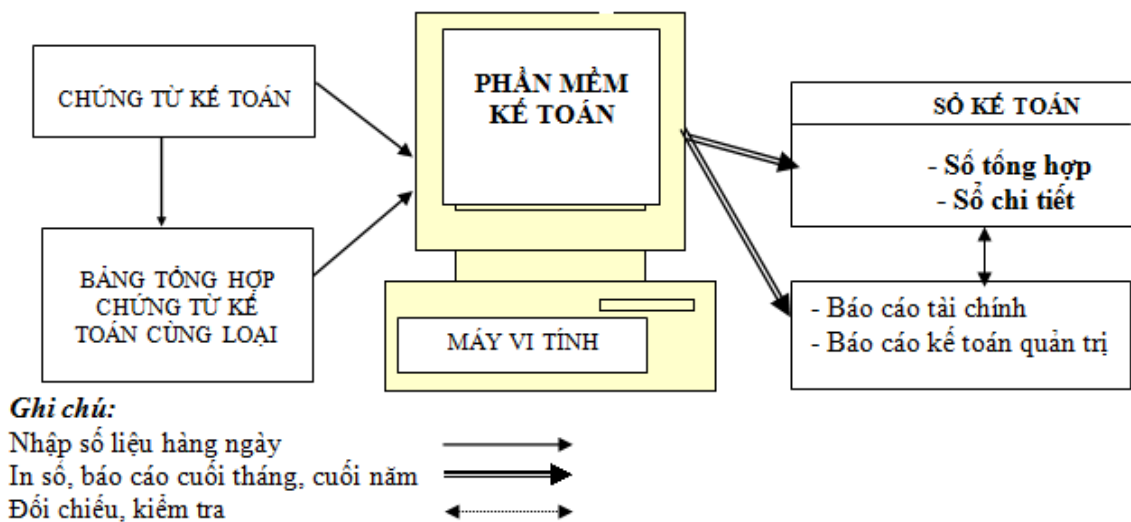
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán

không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Khái quát về Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

- ✓ Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI
- ✓ Tên tiếng anh : NAM HAI PORT JOINT STOCK COMPANY
- ✓ Tên viết tắt : NHP
- ✓ Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng
- ✓ Số điện thoại : 02253200069 Fax : 02553200068
- ✓ Website : www.namhaiport.com.vn
- ✓ Mã số thuế : 0200748730
- ✓ Đại diện pháp luật : G.Đ NGUYỄN NAM GIANG
- ✓ Vốn điều lệ : 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)

- Công ty mở tài khoản tại 2 ngân hàng: Ngân hàng Techcombank và Ngân hàng Vietcombank.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Công ty cổ phần Cảng Nam Hải trực thuộc tập đoàn GEMEDEPT hệ thống cảng khu vực phía Bắc

Công ty Gemadept, tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước, thành lập năm 1990. Cùng với chính sách đổi mới kinh tế của Chính phủ, năm 1993, Gemadept trở thành một trong ba công ty đầu tiên được cổ phần hóa và được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2002.

Với những bước phát triển triển nhanh, mạnh và bền vững, Gemadept ngày nay là một trong những ngọn cờ đầu trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn bao gồm Khai thác cảng và Logistics. Cùng với chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh có chọn lọc, Tập đoàn đã gặt hái được những thành công nhất định trong lĩnh vực Trồng rừng và Kinh doanh bất động sản.

Gemadept đang không ngừng vươn mình lớn mạnh với qui mô hàng chục công ty con thuộc 4 nhóm ngành nghề Khai thác Cảng, Logistics, Trồng rừng và Bất động sản với mạng lưới kinh doanh trải rộng tại nhiều tỉnh, thành phố lớn trong cả nước và ở một số quốc gia khu vực Asean.

Công ty đã đạt được chứng chỉ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Cam kết về chất lượng của công ty thể hiện ở việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của khách hàng.

Gemadept đặc biệt chú trọng việc xây dựng đội ngũ CBCNV vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ và giàu nhiệt huyết bên cạnh việc không ngừng cải tiến qui trình hoạt động để phát huy tối đa năng suất, hiệu quả công việc, giữ vững vị thế thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực.

Nhằm đáp ứng nhu cầu xếp dỡ hàng hóa gia tăng tại thị trường phía Bắc, năm 2012, Tập đoàn Gemadept đã quyết định liên doanh với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco để đầu tư xây dựng thêm Cảng container Nam Hải. Công ty cổ phần Cảng Nam Hải chính thức được thành lập vào ngày 11/04/2012 theo giấy phép kinh doanh số 0200748730 và đi vào khai thác từ ngày 10/12/2013. Đây là một cảng lớn với công suất thông qua thiết kế tới 500.000 Tấn/năm, tổng mức đầu tư trên 1.000 tỷ đồng, với 450m cầu tàu và 150.000m bãi CY lớn gấp ba lần cảng Nam Hải hiện tại. Cảng được đầu tư mới đồng bộ, trang thiết bị tiên phong hiện đại gồm 02 cầu giàn QC và 02 cầu chân để đảm bảo năng lực đón tàu trọng tải lên tới 30.000 DWT. Sau gần mười năm hoạt động Cảng đã được đầu tư thêm Cầu, thiết bị xếp dỡ đạt được công suất thiết kế, tăng năng suất xếp dỡ và là điểm đến của những hãng tàu lớn hàng đầu trên thế giới như: Maersk Line, MSC, Yang Ming, NYK, KMTC, CKL, v.v.

Từ khi chính thức đi vào hoạt động từ năm 2012 cho đến nay, cảng Nam Hải đã chứng tỏ được uy tín, vị thế và khả năng cạnh tranh của mình. Luôn phối

hợp chặt chẽ với Nam Hải Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, Cảng Nam Hải đã không ngừng nỗ lực để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt hơn, góp phần nâng cao sức cạnh tranh và năng lực xếp dỡ của toàn bộ hệ thống cảng tại Hải Phòng của Gemadept. Sản lượng thông qua cảng liên tục tăng mạnh qua các năm. Với tỷ lệ sở hữu vốn của Gemadept trong Công ty cổ phần Cảng Nam Hải là 99,98%, cảng Nam Hải đã và tiếp tục khẳng định vai trò ổn định lợi nhuận, gia tăng sản lượng trong hoạt động khai thác cảng của Tập đoàn Gemadept.

NHỮNG ĐẶC TÍNH ƯU VIỆT CỦA CẢNG

- Vị trí cảng thuận lợi
- Có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải lên đến 30.000DWT
- Được trang bị trang thiết bị hiện đại
- Được vận hành và khai thác bởi đơn vị có kinh nghiệm
- Đội ngũ nhân lực có kinh nghiệm, năng lực và tinh thần trách nhiệm cao

CƠ SỞ HẠ TẦNG

- Diện tích : 14,88ha
- Chiều dài cầu tàu : 144 m
- Độ sâu trước bến : -9 m
- Diện tích bãi tàu: 65.000 m²
- Cỡ tàu tối đa : 30.000DWT (giảm tải)
- Kho ngoại quan: 4.000 m²
- Công suất : 150.000 Teus/năm

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

2.1.2.1. Chức năng nhiệm vụ của công ty:

Công ty cổ phần Cảng Nam Hải là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

+ Xây dựng tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập doanh nghiệp.

+ Tuân thủ các chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện kinh doanh và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh.

+ Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi.

+ Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao doanh số cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước.

+ Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

- Để tăng tính chủ động trong kinh doanh, công ty có quyền hạn sau:

+ Được chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện những hợp đồng sản xuất kinh doanh. Giám đốc công ty là người đại diện cho công ty về quyền lợi, nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng v.v...

2.1.2.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Nam Hải:

+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

+ Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

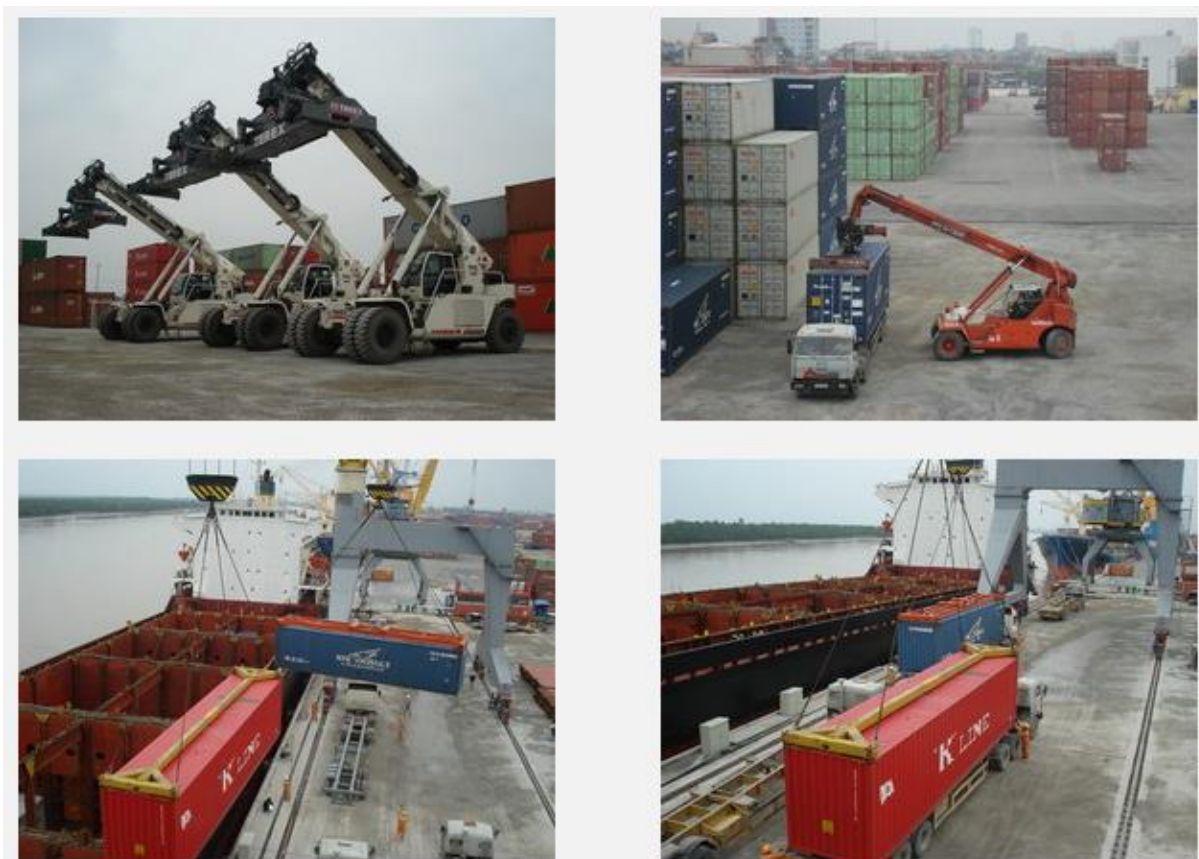
+ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

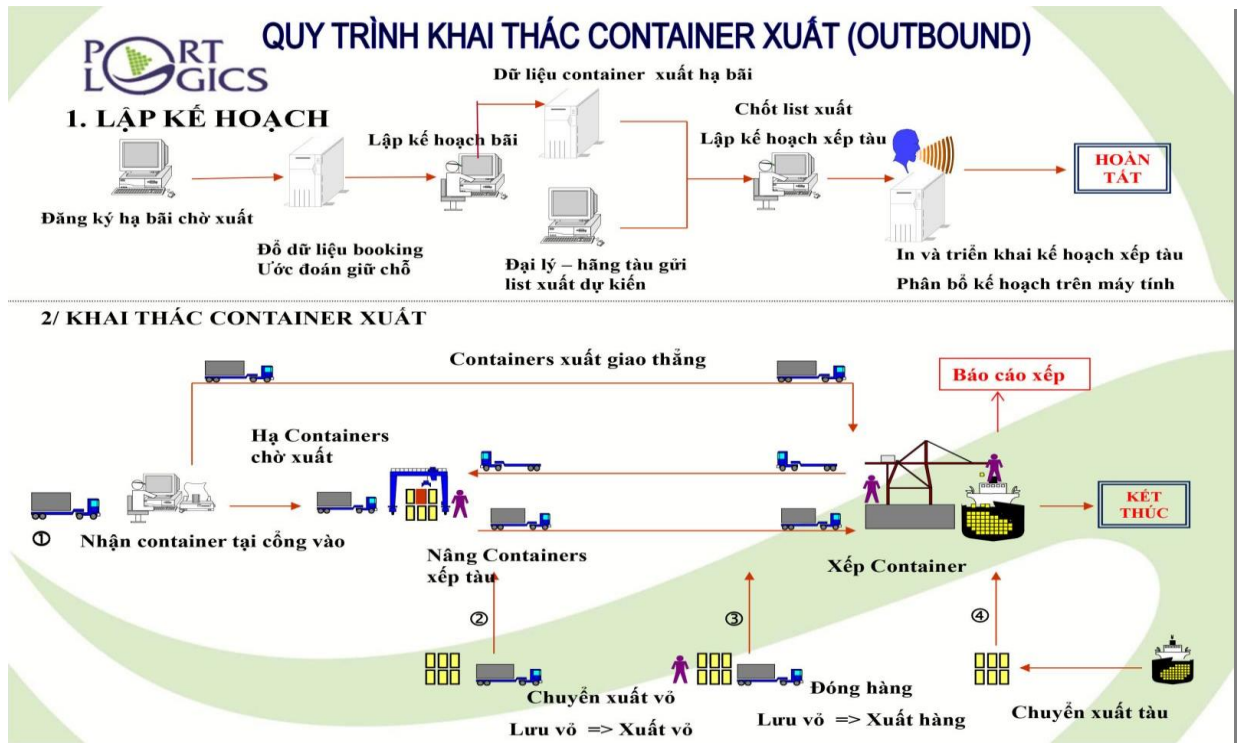
+ Bốc xếp hàng hóa

- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- + Xây dựng nhà các loại
- + Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- + Cho thuê xe có động cơ
- + Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

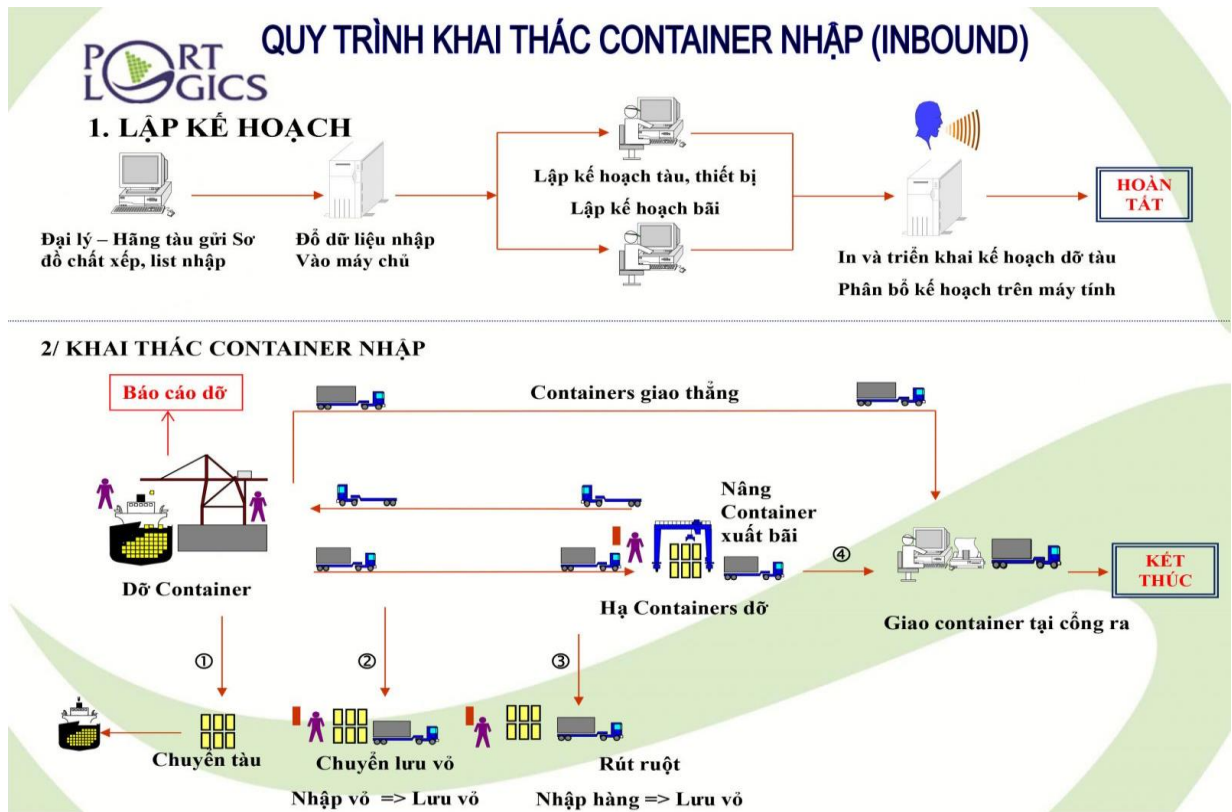
Một số hình ảnh về hoạt động nâng hạ hàng hóa tại cảng:



Quy trình khai thác Container xuất :

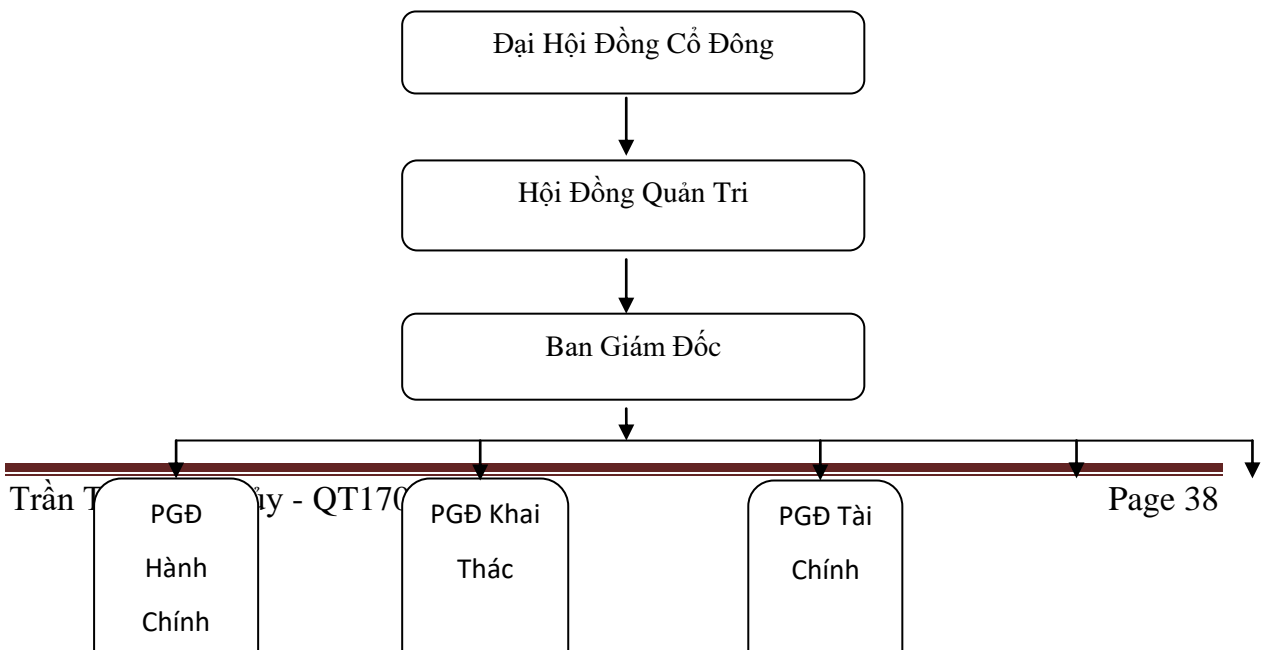


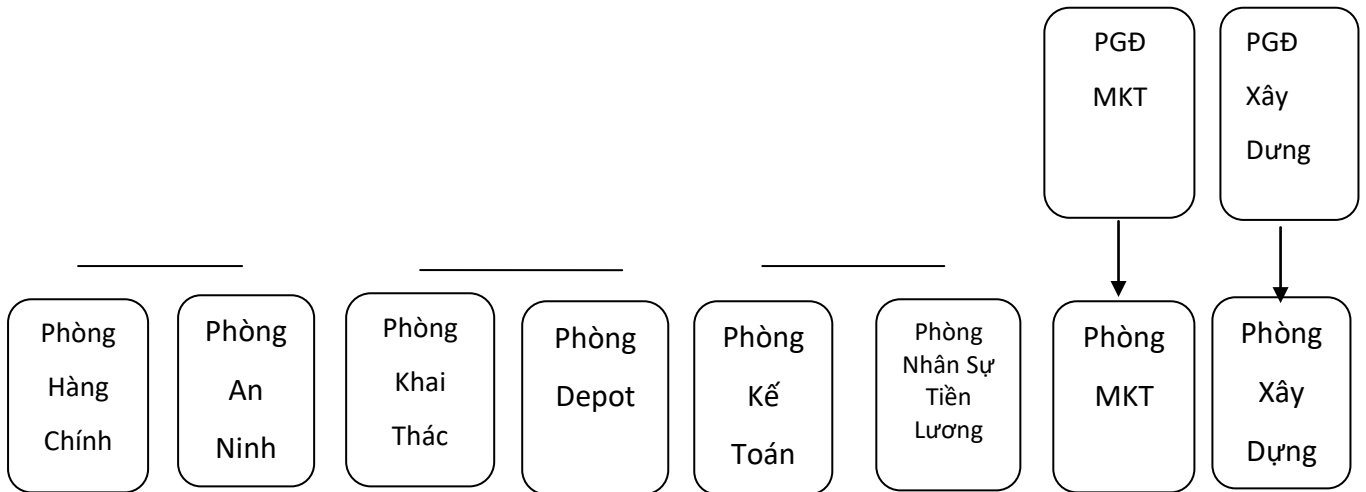
Quy trình khai thác Container nhập :



2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Công ty đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty:





Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty:

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty.

- Ban giám đốc: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty

▪ Các phòng ban: có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban giám đốc. Công ty hiện có 10 phòng nghiệp vụ với chức năng như sau:

- *Phòng hành chính*: có chức năng tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty. Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

- *Phòng an ninh*: có chức năng đảm bảo an ninh trật tự, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trong công ty.

- *Phòng khai thác*: Tìm kiếm khách hàng, đàm phán, ký kết các hợp đồng thuê tàu. Lập kế hoạch chuyến đi, chỉ định đại lý tại các cảng. Điều động tàu, thực hiện kế hoạch chuyến. Đàm phán ký kết, thực hiện các hợp đồng thuê định hạn.

- *Phòng DEPOT*: Phụ trách vận hành nhập, xuất container (SOC). Làm chứng từ, lên debit và phát lệnh giao hàng nhập. Theo dõi container nhập, xuất tại CY, depot gửi báo cáo theo yêu cầu. Làm việc với khách hàng, đại lý quốc tế, hãng tàu biển, CY, depot, hải quan để vận hành quá trình vận chuyển và các công việc chứng từ, thanh toán liên quan. Phát lệnh cấp vỏ, cấp chì tại Hải Phòng. Làm việc tại hiện trường khi có yêu cầu.

- *Phòng kế toán*: Tham mưu, giúp việc cho Ban TGD Công ty trong quản lý và điều hành hoạt động thuộc lĩnh vực tổ chức, chỉ đạo, thực hiện công tác kế toán tài chính theo luật pháp và quy định của Nhà nước. Thực hiện công tác quản lý kế toán tài chính: lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo hợp nhất, báo cáo thống kê theo đúng quy định của Nhà nước và Công ty. Xây dựng các phương án huy động vốn. Thực hiện công tác quản lý kế toán quản trị; kiểm tra giám sát tài chính đối với ngân sách, vốn và tài sản. Chủ trì tổ chức hoạt

động nhằm kết nối các phòng, ban có chung chức năng, nhiệm vụ của các doanh nghiệp trong hệ thống nhằm nâng cao và phát triển kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn. Đại diện Công ty làm việc với các cơ quan thuế, kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác trong việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo yêu cầu của các cơ quan này.

- *Phòng nhân sự tiền lương*: Lập và triển khai các kế hoạch tuyển dụng nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực của các bộ phận về yêu cầu tuyển dụng nhân viên cũng như các hoạt động công chúng nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty. Xây dựng và thực hiện quy trình tuyển dụng như quảng cáo, thu nhận hồ sơ, thi và phỏng vấn, khám sức khỏe và thương lượng với ứng viên. Tìm cách tốt nhất để nâng cao các hoạt động tuyển dụng như giới thiệu tại trường Đại học, Cao đẳng hoặc tham gia hội chợ việc làm và đăng quảng cáo trên báo, trên InternetHướng dẫn đào tạo cấp dưới về hệ thống nhân sự. Giữ liên lạc thường xuyên với các trường đại học, cao đẳng và các cơ quan chức năng cho hoạt động tuyển dụng. Đề xuất với cấp trên trực tiếp về mọi ý tưởng sáng tạo nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận.

- *Phòng thương vụ*: Soạn thảo hợp đồng tiếng việt và tiếng anh. Làm việc với các nhà cung cấp hàng hoá dịch vụ, đàm phán giá cả, điều khoản hợp đồng. Kiểm tra hoá đơn chứng từ thanh toán. Phát hành hoá đơn, debitnote cho khách hàng. Quản lý hợp đồng, quản lý nhà cung cấp. Các báo cáo công việc liên quan.

- *Phòng RM*: Xây dựng các chính sách quản lý rủi ro tác nghiệp theo các công trình. Thiết kế và quản lý các Chỉ số Rủi ro Chính (KRI), các công cụ đánh giá rủi ro và kiểm soát, kiểm toán nội bộ; triển khai việc sử dụng các công cụ này đến các đơn vị, phòng/ban và hỗ trợ các đơn vị để tự xác định các rủi ro tác nghiệp. Quản lý thông tin và hoạch định toàn bộ rủi ro có thể xảy ra. Từ đó hoạch định phương án giải quyết. Đảm bảo tổng hợp và đánh giá đầy đủ và chính xác các (KRI), báo cáo cho lãnh đạo cấp cao để cảnh báo những nguy cơ có thể gây rủi ro.

Lập kế hoạch và điều phối việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm của các phòng (ban); tham gia tuyển dụng, quản lý, huấn luyện và đào tạo nhân viên trực thuộc.

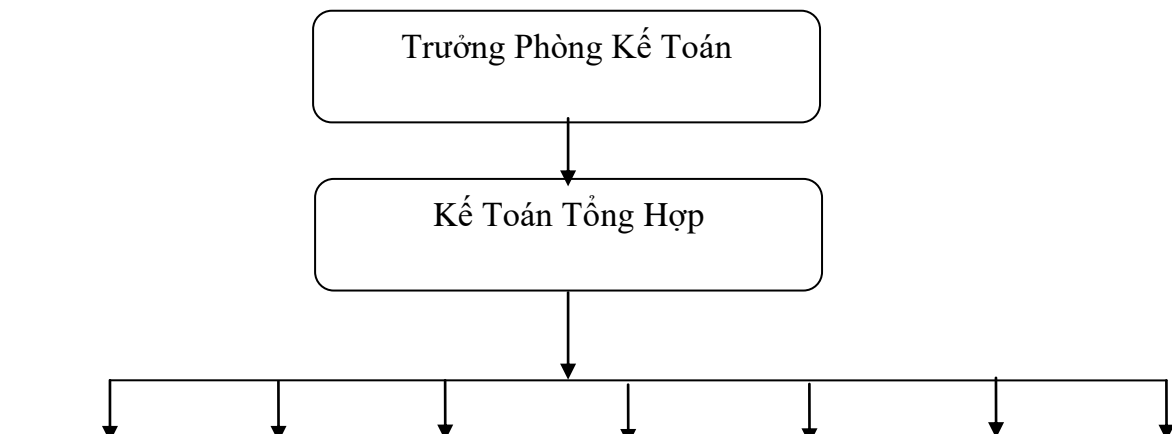
- *Phòng Marketing*: Nghiên cứu tiếp thị và thông tin, tìm hiểu sự thật ngầm hiểu của khách hàng. Lập hồ sơ thị trường và dự báo doanh thu. Khảo sát hành vi ứng xử của khách hàng tiềm năng. Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu.

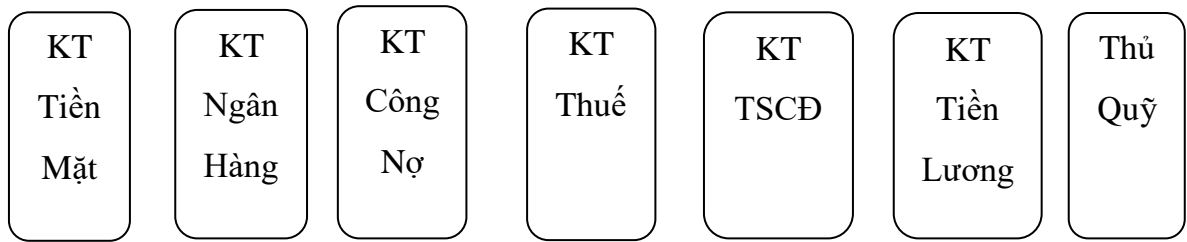
Phòng xây dựng: Lập kế hoạch tham mưu cho Ban Giám Đốc trong công tác hoạch định kế hoạch mua và cung ứng vật tư phục vụ hoạt động xây dựng và tổ chức điều hành kho bãi của Công ty. Lập các kế hoạch về vật tư, cung ứng, điều phối vật tư cho các dự án theo tháng, quý, năm. Thương thảo giá cả, soạn thảo các Hợp đồng kinh tế trình Tổng Giám đốc ký kết với các Nhà Cung ứng. Giám sát, theo dõi các công trình đang xây dựng của công ty. Điều hành, quản lý nhân viên Phòng Vật tư, thực hiện công tác chuyên môn đảm bảo cung ứng đủ và kịp thời vật tư nguyên liệu đáp ứng tiến độ thi công dự án.

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải.

2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán tại Công ty.

Công tác kế toán thống kê cũng đã được chấn chỉnh từ sổ sách kế toán, quản lý chứng từ áp dụng theo dõi, quản lý tài chính bằng excel tính nên đã phản ánh được tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời hơn, chính xác hơn. Dưới đây là mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.





Chức năng nhiệm vụ:

- *Kế toán trưởng*: là người lãnh đạo các nhân viên thuộc quyền quản lý của mình, có trách nhiệm đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc.

- *Kế toán tổng hợp*:

+ Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
+ Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp
+ Kiểm tra số dư cuối kì có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không

+ Kiểm tra hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, TSCĐ, công nợ, thuế GTGT, báo cáo thuế,...

+ Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm

+ Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

- *Kế toán tiền mặt*:

+ Tập hợp và kiểm tra nhu cầu thu chi hàng ngày.
+ Lập phiếu thu chi tiền mặt, theo dõi thực chi với sổ sách, báo cáo thu chi hàng ngày.

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ gốc thu - chi theo đúng quy trình, quy định, kế hoạch thanh toán trước khi trình ban lãnh đạo phê duyệt.

+ Hạch toán kế toán vào phần mềm kế toán hoạt động thu - chi tiền mặt.

+ Lưu trữ các chứng từ kế toán liên quan đến phần hành công việc hợp lý, theo qui định công ty, đảm bảo an toàn và dễ tìm kiếm.

- *Kế toán ngân hàng*:

+ Kế toán ngân hàng phải ghi nhận, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong ngân hàng về các hoạt động: hoạt động nguồn vốn, sử dụng vốn và các dịch vụ ngân hàng khác theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê của Nhà nước và các thể lệ chế độ kế toán ngân hàng quy định. Trên cơ sở đó để bảo vệ an toàn tài sản của bản thân ngân hàng cũng như tài sản của toàn xã hội bảo quản tại ngân hàng.

+ Kế toán ngân hàng phải phân loại nghiệp vụ, tổng hợp số liệu theo đúng phương pháp kế toán và theo những chỉ tiêu nhất định nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời nhất để phục vụ cho việc chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động kinh doanh ngân hàng và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

+ Kế toán ngân hàng giám phải giám sát quá trình sử dụng tài sản (vốn) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các loại tài sản thông qua kiểm soát trước (tiền kiểm) các nghiệp vụ bên nợ và nghiệp vụ bên có của bảng tổng kết tài sản ở từng đơn vị ngân hàng cũng như toàn hệ thống. Từ đó góp phần tăng cường kỷ luật tài chính, củng cố chế độ hạch toán kế toán của ngân hàng cũng như của nền kinh tế.

+ Kế toán ngân hàng phải có trách nhiệm tổ chức tốt công tác kế toán nói chung và kế toán tài chính nói riêng ở từng đơn vị cũng như toàn hệ thống. Đồng thời, kế toán ngân hàng phải tổ chức giao dịch, phục vụ khách hàng một cách khoa học, văn minh, lịch sự, giúp khách hàng nắm được những nội dung cơ bản của kỹ thuật nghiệp vụ ngân hàng nói chung và kỹ thuật nghiệp vụ kế toán nói riêng, góp phần thực hiện chiến lược khách hàng của ngân hàng.

- *Kế toán công nợ:*

+ Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với khách hàng

+ Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng

+ Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ

+ Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt

- *Kế toán tài sản cố định:*

+ Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐHH hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐHH trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐHH, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐHH và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐHH trong từng đơn vị.

+ Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐHH vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ quy định. Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐHH về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.

+ Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới, nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng giảm nguyên giá TSCĐHH cũng như tình hình quản lý, nhượng bán TSCĐHH.

+ Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận trực thuộc trong các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐHH, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ theo chế độ quy định

- *Kế toán thuế:*

+ Tập hợp các chứng từ gốc liên quan đến hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp.

+ Hàng tháng: lập báo cáo thuế cho tất cả các loại thuế mà công ty áp dụng (thuế GTGT, thuế TNCN), nghĩa vụ nộp thuế GTGT cho hàng tháng nếu công ty có số thuế phát sinh nghĩa là Đầu ra – Đầu vào.

+ Hàng quý: lập báo quý cho thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, báo cáo sử dụng hóa đơn.

+ Cuối năm: làm báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế TNDN, thuế TNCN

+ Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký đơn vị phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh

- + Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh
 - + Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh
 - *Kế toán tiền lương:*
 - + Ghi chép phản ánh kịp thời số lượng thời gian lao động, chất lượng sản phẩm, tính chính xác tiền lương phải trả cho người lao động. Tính chính xác số tiền BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí và thu từ thu nhập của người lao động.
 - + Trả lương kịp thời cho người lao động, giám sát tình hình sử dụng quỹ lương, cung cấp tài liệu cho các phòng quản lý, chức năng, lập kế hoạch quỹ lương kỳ sau.
 - + Tính và phân bổ chính xác đối tượng, tính giá thành .
 - + Phân tích tình hình sử dụng quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, đề xuất biện pháp tiết kiệm quỹ lương, cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp và các bộ phận quản lý khác.
 - + Lập báo cáo về lao động, tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ thuộc phạm vi trách nhiệm của kế toán. Tổ chức phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ BHXH, quỹ BHYT, BHTN, KPCĐ đề xuất các biện pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động, tăng năng suất lao động.
 - *Thủ quỹ:*
 - + Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.
 - + Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty..
 - + Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.
 - + Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt
 - + Chịu trách nhiệm lưu trữ chứng từ thu chi tiền.
- Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế toán tổng hợp.

2.1.4.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách kế toán tại Công ty.

* Chính sách kế toán áp dụng:

- Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc

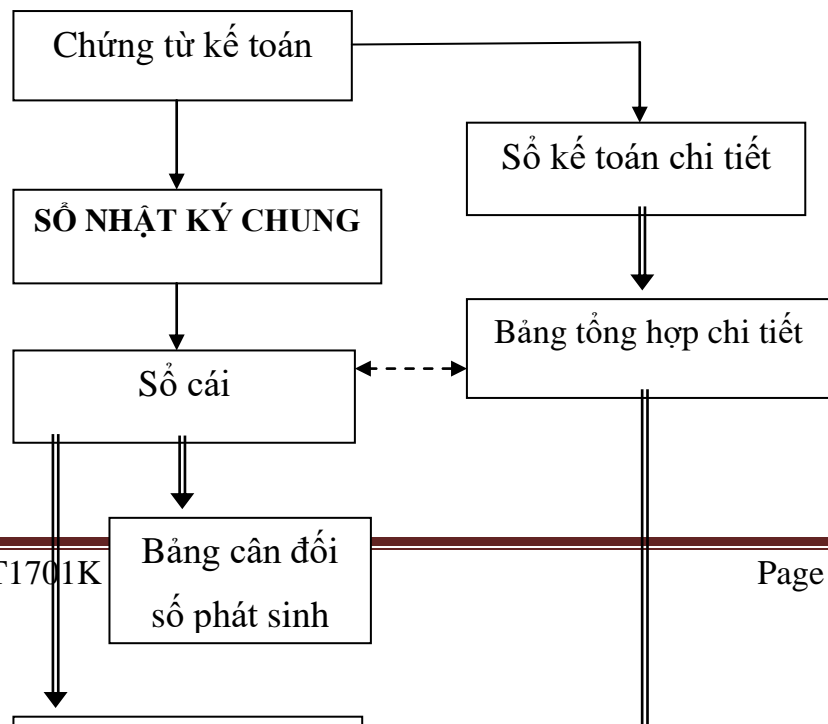
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: theo giá bình quân gia quyền liên hoàn.

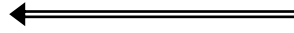
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: phương pháp theo đường thẳng.

* Quy trình hạch toán





Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kì ⇐

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán tại của Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

- Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn chứng từ, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ thẻ kế toán chi tiết theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế để ghi vào sổ cái từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ đó lập các sổ khác có liên quan. Từ sổ nhật kí chung hàng ngày các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ cái từng tài khoản.

- Cuối tháng hoặc định kì từ sổ kế toán chi tiết lập nên bảng tổng hợp chi tiết tài khoản. Căn cứ vào sổ cái, sổ chi tiết và tổng hợp, từ đó lập bảng cân đối sổ phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được dùng để lập báo cáo tài chính vào cuối năm.

2.1.4.3. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

❖ Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối quý, cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối sổ phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01-DN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu

quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải do tính chất hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền đang chuyển không có, nên kế toán vốn bằng tiền chỉ sử dụng 2 tài khoản: TK 111 (Tiền mặt tại quỹ) và TK 112 (Tiền gửi ngân hàng).

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

* Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty.

- Tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải chỉ có tiền mặt là tiền Việt Nam đồng, không có tiền mặt là ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

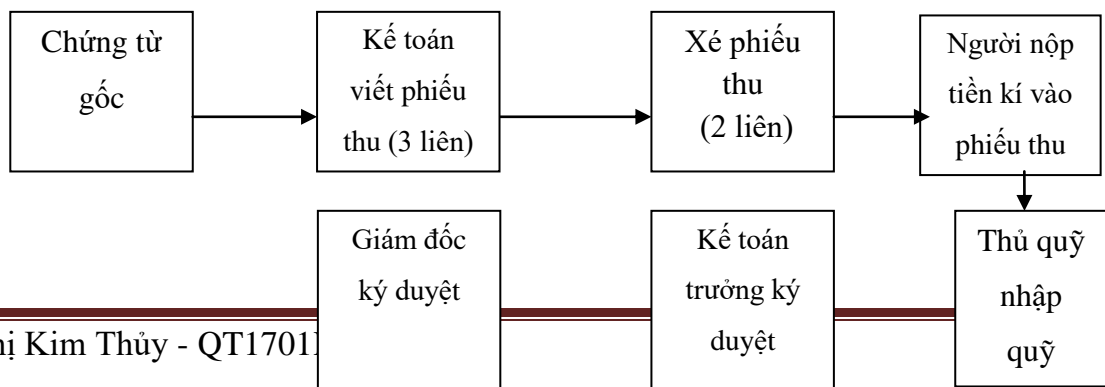
- Tiền mặt tại quỹ của công ty nhất thiết phải được bảo quản đủ điều kiện an toàn.

- Phải chấp hành đầy đủ các quy chế, chế độ quản lý lưu thông tiền tệ của Nhà nước quy định.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ các khâu thu chi tiền mặt từ giám đốc, kế toán trưởng và đặc biệt là thủ quỹ.

- Cuối ngày thủ quỹ phải chốt các số thu chi tiền mặt và số tồn quỹ.

- Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu thu:



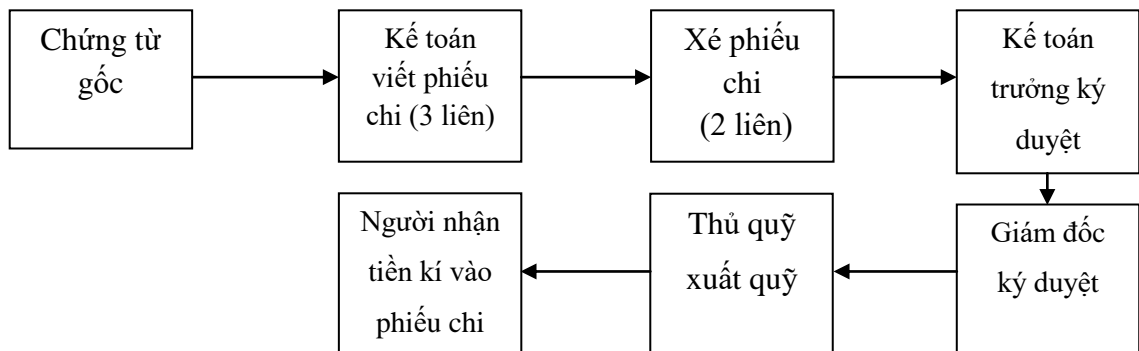


Sơ đồ 2.3: Quy trình luân chuyển phiếu thu.

Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu rồi ký vào phiếu thu, sau đó chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực nhập quỹ (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên. Cuối cùng, chuyển cho kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt và đóng dấu.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu thu kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

- Dưới đây là quy trình luân chuyển phiếu chi:



Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển phiếu chi.

Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên, ghi đầy đủ nội dung trên phiếu chi. Chỉ sau khi đã có chữ ký theo từng liên của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền ghi số tiền thực nhận (bằng chữ) vào phiếu chi trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Thủ quỹ giữ lại 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nhận tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày toàn bộ phiếu chi kèm theo chứng từ gốc chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán.

*** Chứng từ kế toán tại công ty.**

- Hóa đơn GTGT.
- Giấy đề nghị thanh toán.
- Giấy đề nghị tạm ứng.
- Phiếu thu (chi)...

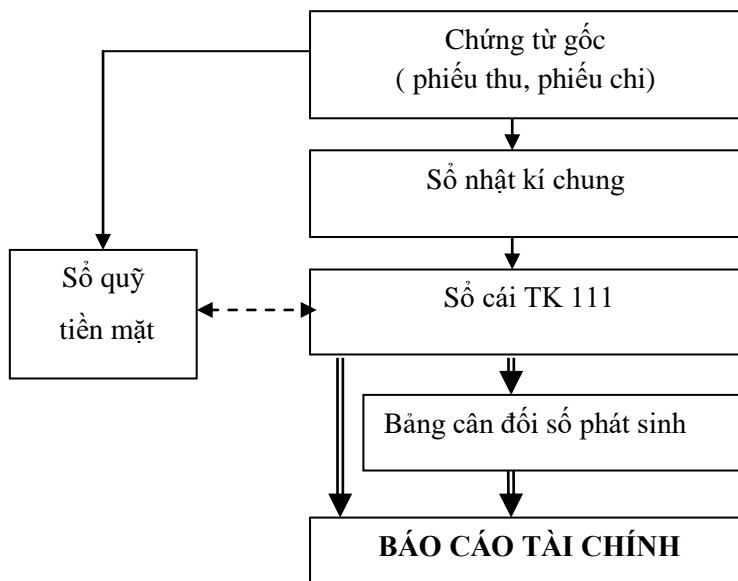
*** Tài khoản kế toán sử dụng tại công ty.**

- Công ty sử dụng TK 111 phản ánh tình hình Thu – Chi – Tồn quỹ tiền mặt.

*** Sổ sách kế toán sử dụng công ty.**

- Sổ Nhật kí chung.
- Sổ cái TK 111.
- Sổ quỹ tiền mặt.

*** Trình tự hạch toán tiền mặt tại công ty.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, định kỳ
- Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ

ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ quỹ tiền mặt. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 111 và các tài khoản có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và sổ quỹ tiền mặt sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh cuối năm lập nên Báo cáo tài chính.

*** Ví dụ minh họa tăng giảm tiền mặt tại công ty.**

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2019, Ông Cao Văn Thắng - Phòng tổ chức hành chính thanh toán chi phí tiếp khách, số tiền bao gồm cả 10% thuế VAT là 6.380.000 đồng.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT anh Cao Văn Thắng - nhân viên Phòng tổ chức hành chính gửi đề nghị thanh toán đã được giám đốc phê duyệt lên phòng kế toán. Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan, sau đó kế toán viết Phiếu chi 812. Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111 và Sổ Cái TK 133, 642. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000 441

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/19P		
Ngày 05 tháng 12 năm 2019			Số: 0000441		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hồng Đăng Mã số thuế: 0201654002 Địa chỉ: Số 18, Hồ Sen, Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 0225 3872 441 Số tài khoản: : 0241-1020-844-995 Tại NH: EXIMBANK Lê Chân – HP					
Họ tên người mua hàng: Cao Văn Thắng Tên đơn vị: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải Mã số thuế: 0200748730 Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK/TM SốTK: 10920629999019-Techcombank-Hải Phòng					
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Tiếp khách ăn uống				5.800.000
Cộng tiền hàng					5.800.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		580.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.380.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Biểu 2.2: Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 05 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Hải Phòng, ngày 05 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Tôi tên là: Cao Văn Thắng

Bộ phận: Phòng Tổ chức hành chính

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền chi tiếp khách.

Số tiền: 6.380.000 đ. (*Viết bằng chữ*): Sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

(Kèm theo01.....chứng từ gốc) Hóa đơn GTGT 441

Người duyệt

Kế toán trưởng

Người đề nghị thanh toán

(*Ký, họ tên*)

(*Ký, họ tên*)

(*Ký, họ tên*)

(*Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải*)

Biểu 2.3: Phiếu chi

Đơn vị : Công ty cổ phần Cảng Nam Hải
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 05 tháng 12 năm 2019

Số PC 812

Nợ TK 642	5.800.000
Nợ TK133	580.000
Có TK 111	6.380.000

Họ tên người nhận tiền: Cao Văn Thắng

Địa chỉ : Phòng Tổ chức hành chính

Lý do chi : Thanh toán tiền chi tiếp khách..

Số tiền: 6.380.000 đ. (*Viết bằng chữ*): Sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 02 chứng từ gốc Giấy đề nghị thanh toán, HĐ số 0000441

Ngày 05 tháng 12 năm 2019

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

+ Đã nhận đủ số tiền (*viết bằng chữ*). Sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Ví dụ 2: Ngày 06/12/2019, thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt, số tiền gồm cả 10% thuế VAT là 1.232.000 đồng.

Biểu số 2.4: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0037799

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/19P		
Ngày 06 tháng 12 năm 2019			Số: 0037799		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải					
Mã số thuế: 0200748730					
Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK/TM Số TK: 10920629999019-Techcombank-Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Việt Hà					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Bắc Việt					
Mã số thuế: 0200923557					
Địa chỉ: số 480 Nguyễn Văn Linh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM, Số TK: 1900.25509448.112 – Techcombank – Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Hạ container hàng 40'	cont	1	750.000	750.000
2	Hạ container hàng 20'	cont	1	350.000	370.000
Cộng tiền hàng					1.120.000
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		112.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.232.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Biểu 2.5: Phiếu thu

Nợ TK 111	1.232.000
Có TK 511	1.120.000
Có TK 333	112.000

Đơn vị: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Hải phòng, ngày 06 tháng 12 năm 2019

Số PT 1131

Họ tên người nộp tiền : **Cao Văn Phong**

Địa chỉ : Phòng kế toán - Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Lý do nộp: Thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt

Số tiền : 1.232.000 đồng. (Viết bằng chữ) Một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn..

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 06 tháng 12 năm 2019

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Ví dụ 3: Ngày 07/12/2019, chị Cao Văn Hải – Phòng kế toán, rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt, số tiền: 300.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau :

Nợ TK 111 : 300.000.000

Có TK 112 : 300.000.000

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111 và Sổ Cái TK 112. Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu thu tiền hành vào Sổ quỹ tiền mặt, kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy rút tiền, giấy báo nợ ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Nợ TK 111 300.000.000
Có TK 112 300.000.000

Biểu 2.6: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Hải phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2019

Số PT 1133

Họ tên người nộp tiền : **Cao Văn Hải**

Địa chỉ : Phòng kế toán - Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Lý do nộp: Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt.

Số tiền : 300.000.000 đồng. (*Viết bằng chữ*) *Ba trăm triệu đồng chẵn.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)


Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Ba trăm triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu 2.7: Giấy rút tiền

	Liên 2/ Copy 2 Số/ No 1118 Giao người nhận Depositors copy	
GIẤY RÚT TIỀN Cash Deposit Slip Ngày/Date: 07/12/2019		
Tài khoản có/ Credit A/C No: 10920629999019 Tên tài khoản/ Account name: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải Số tiền bằng chữ/ Inword: <i>Ba trăm triệu đồng chẵn.</i> Người rút tiền/ Deposited by: Cao Văn Hải Địa chỉ/ Address: Phòng kế toán Tại ngân hàng/ with bank: TECHCOMBANK HP. Nội dung rút/ Remarks: Rút tiền từ tài khoản.		
	Số tiền bằng số (Amount in figures) 300.000.000	
Người rút tiền Depositors signature	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervisor

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu 2.8: Giấy báo nợ

	Số:1118 Mã GDV: PHUCDTQTO Mã KH: 9019
GIẤY BÁO NỢ 07/12/2019	
Kính gửi: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải Mã số thuế: 0200748730	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Nợ: 10920629999019	
Số tiền bằng số: 300.000.000	
Số tiền bằng chữ: <i>Ba trăm triệu đồng chẵn./</i>	
Nội dung: ## Rút tiền từ tài khoản ##	

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Ví dụ 4: Ngày 07/12/2019 Công ty thu tiền tạm ứng thừa của Ông Lê Nguyên Trục đi công tác.

Căn cứ vào Phiếu thu và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau :

Nợ TK 111 :15.000.000

Có TK 141 :15.000.000

Kế toán căn cứ vào chứng từ phát sinh ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 111, TK141.

Từ Phiếu thu 1137, thủ quỹ tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ Cái tài khoản, kế toán vào Bảng cân đối phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Nợ TK 111 15.000.000
Có TK 141 15.000.000

Biểu 2.10: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Hải phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2019

SỐ PT 1137

Họ tên người nộp tiền : **Lê Nguyên Trực**

Địa chỉ : Phòng kinh doanh- Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Lý do nộp: Nộp tiền tạm ứng thừa.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số tiền : 15.000.000 đồng. (Viết bằng chữ) Mười lăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Thủ trưởng đv Kế toán trưởng Người lập Người nộp tiền Thủ quỹ
(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười lăm triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu số 2.11: Sổ Nhật kí chung.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI
Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
05/12	HĐ441 PC812	05/12	Chi tiền tiếp khách ăn uống theo HĐ 0000441	642	5.800.000	
				133	580.000	
				111		6.380.000
			...			
06/12	HĐ	06/12	Thu tiền hạ container	111	1.232.000	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	37799 PT1131		hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt	511		1.120.000
				333		112.000
			...			
07/12	PT1133 BN 1118	07/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	300.000.000	
				112		300.000.000
			...			
07/12	HĐ 37801 PT1135	07/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Vĩnh Thành	111	1.540.000	
				511		1.400.000
				333		140.000
			...			
07/12	PT 1137	07/12	Thu tiền tạm ứng	111	15.000.000	
				141		15.000.000
			...			
08/12	HĐ269 BN1123	08/12	Thanh toán tiền phí dịch vụ bảo vệ tháng 11	627	112.045.455	
				133	11.204.545	
				112		123.250.000
			...			
10/12	HĐ 37951 BC1191	10/12	Thu tiền hạ container hàng cho công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên	112	58.296.375	
				511		52.996.705
				333		5.299.670
			...			
25/12	BC1321	25/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần thép Việt Ý	112	88.000.000	
				131		88.000.000
			...			
			<u>Công số phát sinh</u>		<u>12.883.260.784.567</u>	<u>12.883.260.784.567</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 111.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

			Số dư đầu năm		<u>1.772.391.253</u>	
			Số phát sinh			
			...			
05/12	HD441 PC812	05/12	Chi tiền tiếp khách	642		5.800.000
				133		580.000
			...			
06/12	HD 37799 PT1131	06/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt	511	1.120.000	
				333	112.000	
			...			
07/12	PT1133 BN 1118	07/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	112	300.000.000	
			...			
07/12	PT1137	07/12	Thu tiền tạm ứng	141	15.000.000	
			...			
15/12	HD482 PC931	15/12	Chi mua văn phòng phẩm	642		5.140.000
				133		514.000
			...			
20/12	HD 37839 PT1215	20/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt	511	7.500.000	
				333	750.000	
			...			
			Cộng số phát sinh		<u>87.283.182.540</u>	<u>88.004.192.172</u>
			Số dư cuối năm		<u>1.051.381.621</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu số 2.13: Sổ quỹ tiền mặt.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI

Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S05a – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	NT CT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

A	B	C	D	E	1	2	3
				Số dư đầu năm			<u>1.772.391.253</u>
				Số phát sinh			
				...			
05/12	05/12		812	Chi tiền tiếp khách		6.380.000	899.215.884
				...			
06/12	06/12	1131		Thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt	1.232.000		724.256.314
				...			
07/12	07/12	1133		Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	300.000.000		563.484.751
				...			
07/12	07/12	1137		Thu tiền tạm ứng	15.000.000		1.221.574.321
				...			
20/12	20/12	1215		Thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt	8.250.000		769.384.447
				...			
				Cộng số phát sinh	<u>87.283.182.540</u>	<u>88.004.192.172</u>	
				Số dư cuối năm			<u>1.051.381.621</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Theo chế độ quản lý tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt toàn bộ vốn bằng tiền của công ty trừ số được phép để lại quỹ để chi tiêu hàng ngày còn lại đều gửi tại Ngân hàng.

Công ty cổ phần Cảng Nam Hải mở tài khoản tại 2 ngân hàng đó là: Ngân hàng Techcombank, ngân hàng Vietcombank.

Công ty cổ phần Cảng Nam Hải có tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam Đồng tại các ngân hàng, không có tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng gồm thanh toán bằng giấy báo nợ, giấy báo có nhận được từ ngân hàng, ủy nhiệm chi (UNC), ủy nhiệm thu (UNT), lệnh chuyển tiền.

*** Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty.**

- Ủy nhiệm thu.
- Ủy nhiệm chi.
- Giấy báo nợ.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác liên quan.

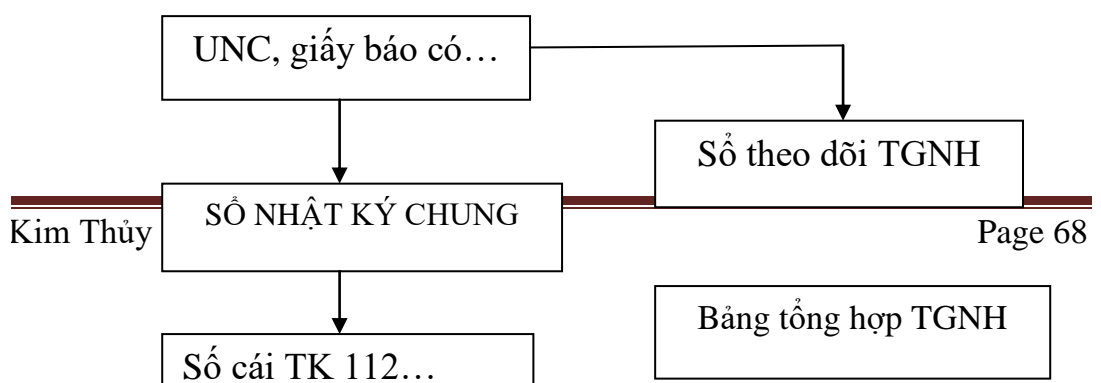
*** Tài khoản kế toán sử dụng công ty.**

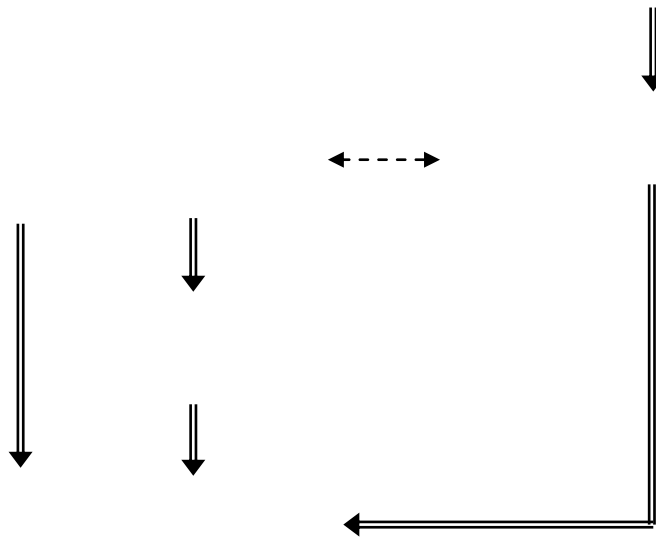
- Công ty sử dụng TK 112 phản ánh tình hình tiền gửi ngân hàng của công ty.

*** Sổ sách kế toán sử dụng công ty.**

- Sổ Nhật kí chung.
- Sổ cái TK 112...
- Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, Bảng tổng hợp theo dõi tiền gửi ngân hàng.

*** Trình tự hạch toán tiền gửi ngân hàng tại công ty.**





Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kì \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 112 và các tài khoản khác có liên quan.

Sau đó, kế toán kiểm tra đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ sẽ lập Bảng cân đối số phát sinh vào cuối năm. Từ đó lập nên Báo cáo tài chính.

*** Ví dụ tiền gửi ngân hàng tại công ty.**


Trong tháng 12/2019, Công ty cổ phần Cảng Nam Hải phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tiền gửi ngân hàng. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 08/12/2019, Công ty thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ số tiền 123.250.000 đồng bằng chuyển khoản qua Ngân hàng Techcombank.

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán công ty gửi Ủy nhiệm chi đến Ngân hàng Techcombank. Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi Giấy báo Nợ. Căn cứ vào các chứng từ: hóa đơn GTGT, Ủy nhiệm chi kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu. Sau đó lấy căn cứ để ghi vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.


Từ Ủy nhiệm chi, giấy báo nợ kế toán vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng. Đồng thời kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 112, TK 627, TK 133. Cuối kỳ từ Sổ Cái các tài khoản kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.12: Ủy nhiệm chi

	<p>ỦY NHIỆM CHI <i>PAYMENT ORDER</i></p>	Liên 2: Báo nợ khách hàng Số: 1123 Ngày: 08/12/2019
Số tiền(Amount): 123.250.000 Bằng chữ(in words): Một trăm hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn . Nội dung(remark): Thanh toán tiền DV bảo vệ tháng 11/2019.		Phí NH: <input type="checkbox"/> Chúng tôi chịu (Charges) <input type="checkbox"/> Người hưởng chịu
Người yêu cầu(applicant): CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI Địa chỉ(address): Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng Số TK(A/C No): 10920629999019..... Tại NH(w.Bank): Ngân hàng Techcombank	Người hưởng(beneficiary): Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ Địa chỉ(address): 135 Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng Số TK(A/CNo): 0200110074812 Tại NH(w. Bank): AgriBank Hàng Kênh - Lê Chân – Hải Phòng Địa chỉ(address): Lê Chân – Hải Phòng	
Phần dành cho Ngân hàng(For Bank use only): 1. MST KHÁCH HÀNG:(Customer's Tax code) 2. TỔNG SỐ GHI NỢ:(Debit Amount) 3. PHÍ NGÂN HÀNG: 4. THUẾ GTGT: 5. SỐ TIỀN CHUYỂN: Giao dịch viên Kiểm soát	Ký hiệu chứng từ Giám đốc	NGƯỜI YÊU CẦU KÝ, GHI HỌ TÊN ĐÓNG ĐẤU Kế toán trưởng Chủ tài khoản
	Dành cho Ngân hàng người hưởng/Ngân hàng trung gian	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu 2.14: Giấy báo nợ

	SỐ: 1123
	Mã GDV: PHUCDTQTO
GIẤY BÁO NỢ	Mã KH: 9019
08/12/2019	
Kính gửi: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải	
Mã số thuế: 0200748730	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Nợ: 10920629999019	
Số tiền bằng số: 123.250.000	
Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./	
Nội dung: ## Trả tiền dịch vụ bảo vệ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2: Ngày 10/12/2019, thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên, số tiền gồm cả 10% thuế VAT là 58.296.375 đồng.

Biểu số 2.15: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0037951

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/19P		
Ngày 10 tháng 12 năm 2019			Số: 00037951		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải					
Mã số thuế: 0200748730					
Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK/TM SốTK: 1900.25509818.882 - Techcombank - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lò Đức Trung					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên					
Mã số thuế: 4600100155					
Địa chỉ:					
Hình thức thanh toán: CK, SốTK: 1900.25509661.812–Techcombank – Thái Nguyên					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Phí lưu bãi tháng 11/2019 (Theo bảng kê đính kèm)				52.996.705
Cộng tiền hàng					52.996.705
Thuế GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			5.299.670
Tổng cộng tiền thanh toán					58.296.375
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm mươi tám triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi năm đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>		

Biểu 2.16: Giấy báo có

	Số: 1191 Mã GDV: PHUCDTQTO Mã KH: 9019
GIẤY BÁO CÓ 10/12/2019	
Kính gửi: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải Mã số thuế: 0200748730	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Có: 10920629999019	
Số tiền bằng số: 58.296.375	
Số tiền bằng chữ: <i>Năm mươi tám triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi năm đồng chẵn./</i>	
Nội dung: ## Trả tiền hạ container hàng ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Ví dụ 3: Ngày 25/12/2019, Công ty Cổ phần Thép Việt Ý trả tiền cho doanh nghiệp, số tiền : 88.000.000đồng.

Kế toán nhận được giấy báo có của ngân hàng tiến hành ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:


Nợ TK 112 : 88.000.000

Có TK 131 : 88.000.000

Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái tài khoản 112, TK 131. Kế toán tiền gửi ngân hàng sẽ vào sổ tiền gửi Ngân hàng Techcombank.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ theo dõi tiền gửi, lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng.

Biểu 2.17: Giấy báo có

	GIẤY BÁO CÓ	Số: 1321
	25/12/2019	Mã GDV: PHUCDTQTO
		Mã KH: 9019
Kính gửi: Công ty cổ phần Cảng Nam Hải		
Mã số thuế: 0200748730		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 10920629999019		
Số tiền bằng số: 88.000.000		
Số tiền bằng chữ: <i>Tám mươi tám triệu đồng./</i>		
Nội dung: ## Thu tiền hạ Container hàng Công ty Cổ phần Thép Việt Ý ##		
Giao dịch viên		Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu số 2.18: Sổ Nhật kí chung.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI
Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			...			
05/12	HĐ441 PC 812	05/12	Chi tiền tiếp khách ăn uống theo HĐ 0000441	642	5.800.000	
				133	580.000	
				111		6.380.000
			...			
06/12	HĐ 37799 PT1131	06/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty TNHH Bắc Việt	111	1.232.000	
				511		1.120.000
				333		112.000
			...			
07/12	PT1133 BN 1118	07/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	300.000.000	
				112		300.000.000
			...			
07/12	PT1137	07/12	Thu tiền tạm ứng	111	15.000.000	
				141		15.000.000
			...			
08/12	HĐ269 BN 1123	08/12	Thanh toán tiền phí dịch vụ bảo vệ tháng 11	627	112.045.455	
				133	11.204.545	
				112		123.250.000
			...			

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

10/12	HĐ 37951 BC 1191	10/12	Thu tiền hạ container hàng cho công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên	112	58.296.375	
				511		52.996.705
				333		5.299.670
			...			
25/12	BC 1321	25/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần thép Việt Ý	112	88.000.000	
				131		88.000.000
			...			
			Công số phát sinh		12.883.260.784.567	12.883.260.784.567

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 112.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI

Mẫu số: S03b – DN

Địa chỉ: Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng, Số hiệu: 112
năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu năm			1.231.139.571
			Số phát sinh			
			...			
07/12	PT1133 BN 1118	07/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111		300.000.000
			...			
08/12	HĐ 37911 BC1101	08/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần Bình Minh	511	78.449.340	
				333	7.844.934	
			...			
08/12	HĐ 37914 BC1103	08/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần Vận tải Minh Hùng	511	43.881.280	
				333	4.388.128	
08/12	HĐ269	08/12	Thanh toán tiền phí	627		112.045.455

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	BN 1123		dịch vụ bảo vệ tháng 11	133		11.204.545
			...			
10/12	HĐ 37951 BC1191	10/12	Thu tiền hạ container hàng cho công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên	511	52.996.705	
				333	5.299.670	
			...			
25/12	BC1321	25/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần thép Việt Ý	131	88.000.000	
			...			
			Cộng số phát sinh		273.923.351.261	274.282.517.472
			Số dư cuối năm		871.973.360	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

BIỂU 2.20 SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI

Mẫu số: S06- DN

Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Techcombank Hải Phòng

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 10920629999019 - VNĐ

Năm 2019

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
Số hiệu	NT			Thu	Chi	Còn lại
		Số dư đầu kì:			834.991.273	
		Số phát sinh				
		...				
BN 1118	07/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111		300.000.000	
		...				
BC1121	08/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần Bình Minh	511	78.449.340		
			333	7.844.934		
		...				
BC1123	08/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ Vận tải Minh Hùng	511	43.881.280		
			333	4.388.128		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HD269 BN 1123	08/12	Thanh toán tiền phí dịch vụ bảo vệ tháng 11	627 133		112.045.455 11.204.545			
		...						
HD 37951 BC1191	10/12	Thu tiền hạ container hàng cho công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên	511 333	52.996.705 5.299.670				821.882.145
		...						
BN1134	14/12	Trả nợ tiền mua hàng	331		560.000.000			216.671.505
		...						
BC1309	25/12	Lãi TGNH	515	892.991				680.083.117
		...						
BC1321	25/12	Thu tiền hạ container hàng cho Công ty cổ phần thép Việt Ý	131	88.000.000				1.314.223.712
		...						
		Cộng phát sinh tháng			208.361.299.230	208.567.241.297		
		Số dư cuối kì:						629.049.206

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

BIỂU 2.21: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S07 - DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2019

TT	Tên ngân hàng	Tồn đầu kỳ	Gửi vào	Rút ra	Tồn cuối kỳ
1	Techcombank	834.991.273	208.361.299.230	208.567.241.297	629.049.206
2	Vietcombank	396.148.298	65.562.052.031	65.715.276.175	242.924.154
	Cộng	1.231.139.571	273.923.351.261	274.282.517.472	871.973.360

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu và nhược điểm như sau:

3.1.1. Ưu điểm

- ❖ *Về bộ máy kế toán*

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót, giúp Ban giám đốc đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xác định được kết quả kinh doanh phù hợp với yêu cầu thị trường.

❖ *Về hình thức kế toán*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, không những giúp cho kế toán viên thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm thời gian, công sức và tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Cùng với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm được thời gian và công sức.

❖ *Về chứng từ kế toán sử dụng*

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu được phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra.

❖ *Về sổ sách và tài khoản kế toán sử dụng*

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không chỉ cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo lập ra những sổ kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh chính xác, minh bạch các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tăng hiệu quả giám sát và đối chiếu.

Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

❖ *Về hạch toán kế toán*

Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian rất hợp lý thuận tiện cho việc theo dõi.

- Về hạch toán tiền mặt: việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán có thể đối chiếu các số liệu này với sổ quỹ một cách nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác, giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị những biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

- Về hạch toán tiền gửi ngân hàng: việc lập sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có cũng giúp cho kế toán tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi một cách tốt hơn.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty cũng có những mặt hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả công việc. Vì vậy cần phải phân tích những mặt hạn chế để có thể đưa ra những giải pháp khắc phục, giúp cho công việc đạt hiệu quả cao hơn.

❖ *Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ*

Lượng tiền mặt hàng ngày của công ty giao dịch là rất lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế được những sai sót nhầm lẫn hoặc các hành vi gian lận trong quản lý quỹ tiền mặt nhưng kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ cuối năm một lần. Do đó không xác định được số chênh lệch giữa

tiền tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chệnh lệch.

❖ *Về việc xây dựng định mức dự trữ tiền mặt tại quỹ.*

Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một số kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng tiền mặt tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại.

❖ *Về hệ thống sổ sách kế toán:*

Công ty không sử dụng nhật ký thu tiền và chi tiền nên tất cả nghiệp vụ phát sinh đều hạch toán vào Sổ nhật ký chung. Dẫn đến tình trạng là sổ Nhật ký chung dày đặc, khó theo dõi, khó kiểm soát được tình hình tiêu thụ của công ty.

❖ *Về công tác thanh toán*

Công ty không sử dụng một cách triệt để việc thanh toán qua ngân hàng. Những khoản tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản tuy nhiên có nhiều khoản tiền dưới 20 triệu công ty thực hiện thanh toán bằng tiền mặt mặc dù có thể chuyển khoản, điều này cho thấy công ty đã không sử dụng hết lợi thế thanh toán bằng chuyển khoản làm ảnh hưởng đến an toàn tiền quỹ của công ty, có thể xảy ra mất mát. Mặt khác lượng tồn quỹ tại công ty quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

❖ *Về việc hiện đại hóa công tác kế toán*

Hiện nay, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán. Việc chỉ áp dụng kế toán thủ công làm tăng thêm thời gian ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc nhiều rất dễ dẫn đến sai sót. Vì vậy, việc sử dụng phần mềm kế

toán không những giảm nhẹ được áp lực và khối lượng công việc mà còn đem lại hiệu quả công việc cao hơn.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải.

Qua thời gian thực tập tại công ty, căn cứ vào những tồn tại và khó khăn hiện nay trong công tác tổ chức kế toán, căn cứ vào quy định của Nhà nước và Bộ tài chính kết hợp với những lý luận đã được học tại trường, em xin nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác vốn bằng tiền tại công ty như sau:

❖ Thứ nhất, hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt

Việc thực hiện kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ giúp công ty xác định được lượng tiền tồn quỹ và số thừa, thiếu so với sổ quỹ. Trên cơ sở đó, tăng cường công tác quản lý quỹ và quy trách nhiệm vật chất. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê quỹ.

Trước khi kiểm kê quỹ, Thủ quỹ phải ghi sổ quỹ, tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê, mọi khoản chênh lệch quỹ đều phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết.

Kiểm kê quỹ phải thực hiện khi có sự tham gia của các bên để đảm bảo tính khách quan.

Cách xử lý các trường hợp khi kiểm kê gặp phải:

- + Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê:
- Khi chưa xác định rõ nguyên nhân, kế toán ghi:
 - Nợ TK 111 – Tiền mặt
 - Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)
- Khi xác định được nguyên nhân:
 - Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)
 - Có TK 711 – Thu nhập khác
 - Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3388)...

+ Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê:

- Chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có TK 111 – Tiền mặt

- Khi xác định được nguyên nhân:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1388)

Nợ TK 334 – Trừ vào lương...

Có TK 138 – Phải thu khác (1388)

Việc kiểm kê quỹ phải được tiến hành định kỳ cuối tháng, cuối quý, cuối năm, khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ và phải lập Bảng kiểm kê quỹ dùng cho VNĐ theo mẫu số 08a-TT (Ban thành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC). Biên bản kiểm kê quỹ gồm hai bản, một bản lưu ở quỹ, một bản lưu ở kế toán thanh toán.

Việc kiểm kê quỹ cho từng loại tiền trong quỹ có ưu điểm: giúp cho các nhà quản lí nắm bắt được số tiền quỹ thực tế, số tiền thừa, thiếu so với số quỹ để có biện pháp tăng cường quản lí quỹ tốt hơn.

Sau đây là mẫu Bảng kiểm kê quỹ (**Biểu 3.1**):

Biểu 3.1: Mẫu Bảng kiểm kê quỹ

Đơn vị:.....
 Bộ phận:.....

Mẫu số: 08a - TT
 (Ban hành theo TT số: 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vào giờ ngày tháng năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện Thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	X
II	Số kiểm kê thực tế	X
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	X

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

❖ ***Thứ hai, xây dựng định mức dự trữ tiền mặt tại quỹ hợp lý.***

Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một số kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng tiền mặt tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại. Để khắc phục nhược điểm này, theo em công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tại quỹ cụ thể trong từng kì hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt trong kì. Định mức này có thể xê dịch trong kì hạch toán, nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt của doanh nghiệp, bên cạnh đó công ty cũng cần lập kế hoạch thu hồi và thanh toán các khoản công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như sẽ thu hồi nợ cân đối nhau đảm bảo được nhu cầu thu, chi của công ty.

❖ ***Thứ ba, hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán:***

Công ty không sử dụng nhật ký thu tiền và chi tiền nên tất cả nghiệp vụ phát sinh đều hạch toán vào Sổ nhật ký chung. Dẫn đến tình trạng là sổ Nhật ký chung dày đặc, khó theo dõi, khó kiểm soát được tình hình tiêu thụ của công ty. Vì vậy, công ty nên sử dụng Nhật ký chi tiền, Nhật ký thu tiền sẽ giúp cho kế toán có thể liệt kê các khoản tiền đã thu, chi, làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Mặt khác việc sử dụng Nhật ký chi tiền, Nhật ký thu tiền cũng làm cơ sở để đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt, tránh nhầm lẫn trong việc kê khai các khoản thu, chi liên quan đến tiền mặt.

Qua đó việc quản lý tiền mặt sẽ được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu chi trong kỳ hay muốn theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Dưới đây là mẫu Sổ nhật ký thu tiền, Sổ nhật ký chi tiền mà Công ty có thể áp dụng:

Biểu 3.2: Nhật ký thu tiền

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a1- DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm...

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ 111	Ghi Có các TK					
	SH	NT			Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển trang sau							

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

Biểu 3.3: Nhật ký chi tiền

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM HẢI
Số 201, Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03a2- DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm...

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có 111	Ghi Nợ các TK					
	SH	NT			Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển trang sau							

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

❖ ***Thứ tư, hoàn thiện việc tăng cường hình thức thanh toán qua ngân hàng:***

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, với những khoản tiền lớn doanh nghiệp đã thanh toán qua hệ thống Ngân hàng theo quy định còn những khoản tiền có giá trị dưới 20 triệu đồng công ty vẫn thanh toán bằng tiền mặt mặc dù công ty có thể thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Điều này chưa tốt, bởi việc thanh toán các khoản tiền dù lớn hay nhỏ qua Ngân hàng có các ưu điểm sau:

- Hiện nay hệ thống Ngân hàng phát triển trên toàn quốc, không chỉ các Ngân hàng Nhà nước mà còn có các Ngân hàng tư nhân. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng rất nhanh chóng và thuận lợi. Hơn nữa các doanh nghiệp đều mở tài khoản tại các Ngân hàng.

- Thanh toán qua các Ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, tránh xảy ra mất cắp, gian lận, sai sót trong quá trình hạch toán.

- Mặt khác lượng tiền gửi Ngân hàng còn đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

❖ ***Thứ năm, hoàn thiện việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán***

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tới đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian,

chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán.

Em xin giới thiệu một số phần mềm khá phổ biến và uy tín trên thị trường, phù hợp với các doanh nghiệp: Misa, Fast accounting, Bravo,...

Phần mềm quản trị- tài chính- kế toán Bravo



Phiên bản mới của “Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO” là Bravo8. Với nền tảng được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (module) và thêm những phân hệ mới.

BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ (module) nhằm mục đích trợ giúp và quản lý các hệ thống quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp trên phần mềm (*Quản lý và hoạch định tài nguyên doanh nghiệp*)

Hệ thống mở, mềm dẻo linh hoạt

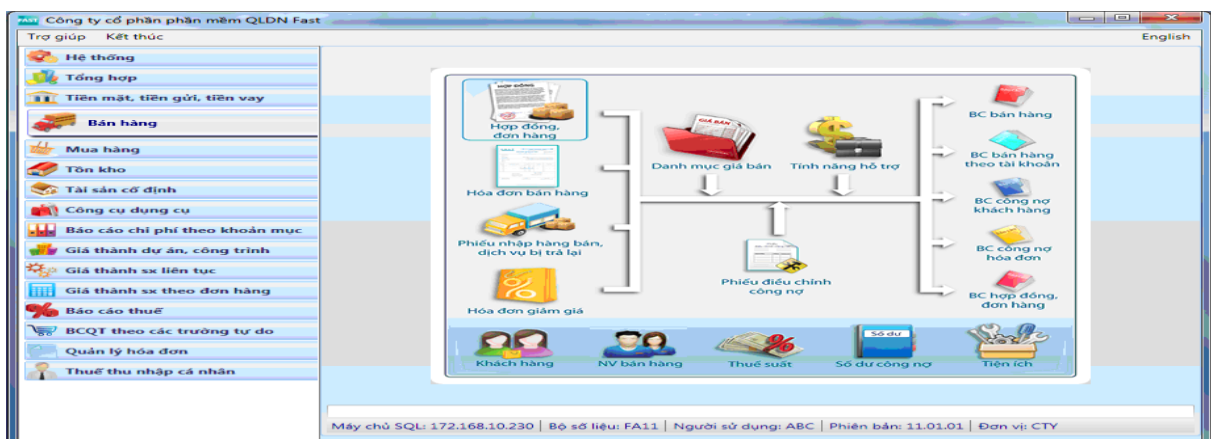
Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, các yêu cầu về quản trị sẽ thay đổi dẫn đến sự quá tải đối với các phần mềm có thiết kế đóng. Đồng thời, tính đa dạng và đặc thù của các ngành nghề kinh doanh làm cho vấn đề càng trở nên

phức tạp khi không có những phần mềm được tổ chức tốt và thiết kế mở. Phần mềm BRAVO được thiết kế với hệ thống mở, mềm dẻo, linh hoạt để điều chỉnh các tính năng không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại mà còn sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp cũng như sự biến động về chính sách, chế độ của Nhà nước (*thiết kế hợp với yêu cầu đa dạng của thực tế*). Với nền tảng ứng dụng (*Framework*) được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (*module*) và thêm những phân hệ mới.

Quy trình xử lý trình tự công việc (WorkFlow)

Quy trình làm việc của doanh nghiệp có rất nhiều bộ phận cũng như nhân viên tham gia. Việc phối hợp xử lý công việc cũng như đồng nhất dữ liệu giữa các nhân viên, bộ phận rất phức tạp cần phải quy định trình tự các bước thực hiện sao cho việc nhập, khai thác dữ liệu tránh trùng lặp và sai sót. BRAVO cho phép người sử dụng tự khai báo, định nghĩa quy trình xử lý tuần tự các công việc phù hợp với thực tế doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Fast Accounting



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn

lễ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox...

Fast Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Vốn bằng tiền là một trong những phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền tệ, quan tâm đến dòng tiền; nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác về nguồn vốn của doanh nghiệp. Từ đó có biện pháp thích hợp, kịp thời nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải, em đã được tìm hiểu thêm về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

- + Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC.

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- + Về công tác kiểm kê quỹ
- + Về việc sử dụng tiền mặt
- + Về xây dựng định mức tiền mặt dự trữ
- + Về hệ thống sổ sách
- + Về công tác ghi chép sổ sách kế toán

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Cảng Nam Hải:

- + Hoàn thiện về công tác kiểm kê quỹ

- + Hoàn thiện về việc sử dụng tiền mặt
- + Hoàn thiện việc xây dựng định mức tiền mặt dự trữ
- + Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán
- + Hoàn thiện về công tác ghi chép sổ sách kế toán

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi. Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô giáo ***Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*** cùng với Ban giám đốc và các cán bộ phòng kế toán Công ty cổ phần Cảng Nam Hải đã hướng dẫn tận tình trong quá trình em thực tập và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận của mình. ./.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

Sinh viên

Trần Thị Kim Thủy

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ tài chính, Thông tư 200/2014/TT (2014), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.
4. Công ty cổ phần Cảng Nam Hải (2019), *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Tài liệu khác trên mạng internet.